

Số: 287/BODK - HĐQT

Phú Mỹ, ngày 12 tháng 05 năm 2026

**THƯ MỜI
THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, thông tin cụ thể như sau:

1. Thời gian: 13 giờ 30 phút, thứ Năm, ngày 18/06/2026.

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam, đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

3. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 và đề xuất lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;
- Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025, phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026;
- Miễn nhiệm Kiểm soát viên Công ty;
- Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội (nếu có)

4. Thành phần tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 05/05/2026 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

5. Đăng ký tham dự Đại hội: Đề nghị quý vị cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu đính kèm giấy xác nhận tham dự/ủy



gửi về Công ty theo đường bưu điện hoặc fax trực tiếp đến Công ty theo số fax: 02543.924455 hoặc Email về địa chỉ vietsv@pvcoating.vn.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền tham dự của người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền phải có giấy ủy quyền tham dự có đầy đủ chữ ký gốc và, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (bản photo) của bên ủy quyền và người được ủy quyền tham dự Đại hội).

7. Tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên trang Website của Công ty tại đường dẫn: <http://pvcoating.vn/vn/quan-he-co-dong>.

8. Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

- Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;
- Điện thoại: 02543.924456 - 02543.924457.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: 

- Như trên.
- Sở GD&ĐT Hà Nội (báo cáo).
- Lưu VT.



Bùi Tường Định





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.

1. Bên ủy quyền.

Tên cổ đông:.....

CCCD hoặc Hộ chiếu số.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần sở hữu:.....Cổ phần (Bằng chữ:.....).

2. Bên nhận ủy quyền:

2.1 Nay tôi ủy quyền cho ông:

☐ Ông Bùi Tường Định - Chủ tịch HĐQT Công ty; CCCD: 038070011194, ngày cấp 09/02/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC và TTXH.

2.2 Hoặc ủy quyền cho:

Ông/Bà:.....

CCCD hoặc Hộ chiếu số.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần sở hữu:.....Cổ phần (nếu có).(Bằng chữ:.....).

Nội dung ủy quyền:

Thay mặt tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam tổ chức vào lúc 13h30, ngày 18/06/2026 để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam và chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN ỦY QUYỀN
CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Người được ủy quyền tham dự xuất trình Căn cước công dân hoặc hộ chiếu và xuất trình bản gốc giấy ủy quyền tham dự có đầy đủ chữ ký gốc Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản photo) của bên ủy quyền và người được ủy quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

TÀI LIỆU DỰ THẢO



**PETROVIETNAM
PV GAS COATING**

ĐẠI HỘI

**ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Phú Mỹ, tháng 06 năm 2026

NỘI DUNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN BOC ONG DẦU KHÍ VIỆT NAM

Stt	Nội dung
1	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026.
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 và đề xuất lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
4	Thông qua Báo cáo Tài chính đã được Kiểm toán năm 2025.
5	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.
6	Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026.
7	Thông qua miễn nhiệm Thành viên HĐQT/Kiểm soát viên Công ty.
8	Thông qua bầu Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Công ty.
9	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM

DỰ THẢO



BÁO CÁO

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026 CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN BỌC ỐNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Phú Mỹ, tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN A: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025.....	4
I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH	4
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA TỪNG LĨNH VỰC	5
1. Ký kết hợp đồng và triển khai thi công.....	5
2. Công tác chào giá, đấu thầu và phát triển thị trường.....	5
3. An toàn – Sức khỏe – Môi trường	5
4. Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa và kiểm định/hiệu chuẩn.....	6
5. Công tác tài chính – kế toán, tiết giảm chi phí.....	6
6. Lao động, tiền lương, đào tạo, sáng kiến cải tiến và thi đua khen thưởng.....	6
7. Công tác cập nhật các quy định, quy trình hệ thống	7
8. Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị	7
9. Công tác an sinh xã hội và các hoạt động khác.....	8
III. CÁC TỒN TẠI, KHÓ KHĂN.....	8
PHẦN B: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026	9
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH	9
1. Thuận lợi.....	9
2. Thách thức	9
II. NHIỆM VỤ CHÍNH.....	9
III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU	10
IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	10
1. Triển khai thi công các Hợp đồng đã và chuẩn bị ký kết.	10
2. Công tác chào giá, đấu thầu và phát triển thị trường.....	10
3. Về hoạt động sản xuất	11
4. Về quản trị, nhân sự và đào tạo	11
5. Về tài chính - kế toán.....	11
6. Các giải pháp khác	12

PHẦN A: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Trong năm 2025, PV Coating triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) trong bối cảnh ngành dầu khí đồng loạt triển khai nhiều dự án. Công ty đã chủ động ký kết và thực hiện thành công các hợp đồng bọc ống cho chuỗi dự án Lô B – Ô Môn (tuyến Onshore và tuyến nội mô), Lạc Đà Vàng, Thiên Nga – Hải Âu; đồng thời ký kết được nhiều hợp đồng dịch vụ kỹ thuật và thương mại với các khách hàng công nghiệp trong và ngoài nước. Bên cạnh thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít khó khăn như: chính sách nới lỏng tiền tệ ở một số quốc gia và trong nước đã ảnh hưởng đến tỷ giá; tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước có hồi phục nhưng chưa bền vững đã ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

Tập thể lãnh đạo và người lao động PV Coating đã chủ động, nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp như: Tập trung các nguồn lực để sản xuất với cường độ cao, tối ưu hóa sản xuất, tăng cường công tác quản trị, tiết giảm chi phí, đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao năng suất dây chuyền bọc ống, năng suất lao động; tiết kiệm vật tư, nguyên vật liệu trong sản xuất; tích cực thu hồi sớm công nợ tại các hợp đồng dịch vụ đã hoàn thành,... Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và mở rộng dịch vụ ngoài ngành như: sơn trong lòng ống (đường ống dẫn nhiên liệu cho sân bay Long thành, bọc mối nối (Field joint) cho đường ống biển (dự án Lạc Đà Vàng, Thiên Nga – Hải Âu...), sơn chống cháy, dịch vụ bảo dưỡng – sửa chữa, thương mại,... Đặc biệt, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, hỗ trợ kịp thời từ phía Công ty mẹ - Tổng Công ty khí Việt Nam (PV GAS). Các yếu tố trên đã giúp đơn vị hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.

Một số các chỉ tiêu chính đạt được:

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Stt	Chỉ tiêu	TH năm 2024	Năm 2025		So sánh TH năm 2025 với (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2025	TH 2024
1	Giá trị sản lượng	265,17	540,00	831,61	154%	314%
2	Doanh thu	265,17	540,00	831,61	154%	314%
3	Lợi nhuận TT	13,37	50,00	76,09	152%	569%
4	Lợi nhuận ST	14,53	40,00	61,41	154%	423%
5	Nộp NSNN	9,47	27,70	50,19	181%	530%

Đánh giá chung:

Việc triển khai an toàn, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ các hợp đồng bọc ống, dịch vụ và thương mại đã góp phần quan trọng giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, doanh thu đạt 831,61 tỷ đồng (vượt 54% kế hoạch, tăng trưởng 314% so với năm 2024); lợi nhuận trước thuế đạt 76,09 tỷ đồng (vượt 52% kế hoạch, tăng trưởng 569% so với năm 2024). Doanh thu từ các dịch vụ kỹ thuật, thương mại tiếp tục duy trì đà tăng trưởng

qua các năm, đóng góp tích cực vào doanh thu và lợi nhuận chung. Qua đó, từng bước khẳng định uy tín, thương hiệu của PV Coating đối với đối tác, khách hàng, đồng thời cho thấy hiệu quả của chiến lược mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA TỪNG LĨNH VỰC

1. Ký kết hợp đồng và triển khai thi công.

Trong năm 2025, Công ty đã tích cực tham gia đấu thầu, trúng thầu, đàm phán, ký kết và hoàn thành nhiều hợp đồng bọc ống và cung cấp dịch vụ với tổng giá trị là 831,61 tỷ đồng, cụ thể:

- Hợp đồng bọc ống: giá trị đạt 712,56 tỷ đồng, bao gồm các hợp đồng Lô B (tuyến ống bờ, tuyến ống nội mỏ), Lạc Đà Vàng, Thiên Nga – Hải Âu.

- Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật, thương mại: giá trị đạt 117,3 tỷ đồng, gồm các lĩnh vực bọc chống cháy, bọc Field Joint, sơn trong lòng ống, bọc Neoprene, sơn chống ăn mòn và các dịch vụ kỹ thuật khác. Trong đó, điểm nhấn quan trọng là lần đầu tiên Công ty lần đầu tiên thực hiện thành công hợp đồng bọc ống, sơn trong lòng ống cho tuyến ống dẫn nhiên liệu sân bay Long Thành; đồng thời tham gia với vai trò nhà thầu chính các gói bọc ống, bọc Field Joint ngoài khơi tại các dự án Lạc Đà Vàng và Thiên Nga – Hải Âu.

Bên cạnh đó, Công ty đã trúng thầu và ký kết các hợp đồng bọc ống tuyến Shallow shore (PC1) với Liên danh tổng thầu PC VSP – Thiên Nam Offshore và tuyến Offshore shore (PC2) với Liên danh tổng thầu VSP – Tân Cảng Offshore.

2. Công tác chào giá, đấu thầu và phát triển thị trường

Dịch vụ bọc ống: Chủ động bám sát các chủ đầu tư/tổng thầu (PVEP, PV GAS, Vietsovpetro, PTSC...) để cập nhật tiến độ các dự án có hạng mục bọc ống trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và triển khai, qua đó kịp thời tham gia chào giá, đấu thầu.

Dịch vụ kỹ thuật: Tham gia chào thầu các gói thầu bọc Field Joint cho đường ống Nearshore (gói PC1), bọc ống và sơn trong lòng ống sân bay Phú Quốc; đồng thời chào giá các dịch vụ sơn chống ăn mòn, gia công cơ khí, bảo dưỡng sửa chữa... cho khách hàng công nghiệp trong khu vực Phú Mỹ và lân cận.

Phát triển thị trường: Từng bước quảng bá hình ảnh, mở rộng hợp tác với các đối tác, chủ đầu tư và tổng thầu quốc tế; tham gia chào giá một số dự án dầu khí tại khu vực Đông Nam Á nhằm mở rộng thị trường ra nước ngoài.

Hợp tác liên kết: Tăng cường liên kết với các hãng sản xuất, đối tác trong và ngoài nước; phối hợp với các đơn vị trong PV GAS (PV PIPE, DVK, DAK,...) và Petrovietnam nhằm tận dụng thế mạnh của từng bên để mở rộng chuỗi sản phẩm, dịch vụ trong các lĩnh vực dầu khí, công nghiệp và năng lượng tái tạo.

3. An toàn – Sức khỏe – Môi trường

Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT được duy trì, cải tiến thường xuyên và tái đánh giá cấp chứng chỉ theo định kỳ; công tác AT-SK-MT-An ninh được thực hiện hiệu quả, góp phần đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hợp đồng bọc ống và dịch vụ.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2025 cho 150 CBCNV; khám chuyên khoa cho 17 nữ CBCNV; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 135 lượt công nhân trực tiếp sản xuất (tháng 4 và 10/2025), với tổng chi phí khoảng 806 triệu đồng.

Duy trì hiệu quả các chương trình 5S và STOP; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBCNV trong công tác an toàn và các hoạt động chung của Công ty, góp phần xây dựng môi trường làm việc gọn gàng, sạch sẽ và khoa học.

4. Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa và kiểm định/hiệu chuẩn

Công ty thực hiện đầy đủ công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, phòng ngừa và đột xuất đối với toàn bộ dây chuyền bọc ống, máy móc, thiết bị và xe cơ giới theo kế hoạch được phê duyệt; không để xảy ra sự cố làm gián đoạn hoạt động sản xuất trong quá trình thực hiện các hợp đồng. Đồng thời, đã hoàn thành bảo dưỡng tổng thể, nâng cấp dây chuyền thiết bị, sẵn sàng phục vụ thi công bọc ống cho 02 gói thầu PC1 và PC2 thuộc chuỗi dự án Lô B – Ô Môn trong năm 2026.

100% thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được theo dõi, kiểm định đầy đủ, đúng quy định và đúng thời hạn.

5. Công tác tài chính – kế toán, tiết giảm chi phí

Công tác tài chính – kế toán được thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước, Tổng Công ty và Công ty; công tác quản lý công nợ từng bước được kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định.

Công ty đã thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán kịp thời theo các mốc hợp đồng (Lô B Onshore, Lô B Nội Mỏ, Lạc Đà Vàng,...), qua đó đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Chủ động xây dựng và triển khai phương án quản lý dòng tiền, bao gồm kế hoạch tiền gửi, vay và sử dụng vốn vay, đảm bảo cân đối nguồn vốn an toàn, hiệu quả cho hoạt động SXKD.

Đồng thời, Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp tiết giảm chi phí như: tối ưu bố trí ca kíp sản xuất, đẩy mạnh sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm vật tư – nhân công – ca máy, kiểm soát chi phí hành chính và sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Kết quả, giá trị tiết giảm chi phí, chống lãng phí năm 2025 đạt 15,0/13,64 tỷ đồng, tương đương 110% kế hoạch.

6. Lao động, tiền lương, đào tạo, sáng kiến cải tiến và thi đua khen thưởng

Về lao động: Theo định biên 158 người, tổng số lao động tại thời điểm cuối năm 2025 là 152 người (135 nam, 17 nữ). Cơ cấu trình độ gồm: trên đại học 5,2% (08 người), đại học/cao đẳng 55,3% (84 người), trung cấp/công nhân kỹ thuật 39,5% (60 người). Về loại hợp đồng: lao động không xác định thời hạn chiếm 88,1% (134 người), xác định thời hạn 11,2% (17 người), lao động thử việc 0,7% (01 người).

Về tiền lương, thu nhập: Công ty thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng theo đúng quy chế và quy định của pháp luật; tiền lương làm thêm giờ, tăng ca sản xuất được thanh toán đầy đủ, kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Về đào tạo: Trong năm, Công ty đã tổ chức 26 khóa đào tạo bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, trong đó có 08 khóa do các cơ quan hữu quan và Tổng Công ty tổ chức, hỗ trợ học phí; 100% CBCNV được tham gia đào tạo, huấn luyện

theo quy định. Tổng số lượt tham gia đạt hơn 800 lượt người. Đồng thời, phối hợp với hãng sơn Jotun đào tạo và cấp chứng chỉ sơn chống cháy cho 10 nhân sự kỹ thuật; cử 03 kỹ sư tham gia đào tạo, thi chứng chỉ PROSIO (hiện có 02 kỹ sư đạt chứng chỉ), phục vụ định hướng phát triển các dịch vụ kỹ thuật chất lượng cao như điện gió ngoài khơi và sơn chống cháy công nghiệp.

Đổi mới sáng tạo và sáng kiến cải tiến: Công ty đã phát động phong trào sâu rộng, ghi nhận 13 sáng kiến (04 mức A, 06 mức B, 03 mức C) và 08 ý tưởng sáng kiến; các sáng kiến đã được áp dụng vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao với giá trị làm lợi trên 10 tỷ đồng, đồng thời cải thiện điều kiện an toàn, môi trường làm việc và nâng cao hiệu quả quản lý. Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ, Công ty đã khen thưởng 02 tập thể và 07 cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm 2025.

Thi đua khen thưởng: Công tác thi đua, khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến được duy trì thường xuyên, tạo động lực thúc đẩy người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Công ty cũng thực hiện khen thưởng đột xuất trong các đợt thi đua và khi hoàn thành các hợp đồng bọc ống.

7. Công tác cập nhật các quy định, quy trình hệ thống

Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và đặc thù hoạt động SXKD, cụ thể:

- Quy chế, quy định: Xây dựng mới 01 quy định; cập nhật, sửa đổi 02 quy định, gồm: Quy định xây dựng mục tiêu và đánh giá kết quả theo KPIs; Quy định về chấm công, nghỉ chế độ và một số quy định nội bộ; Quy định kiểm tra/kiểm soát AT-SK-MT trong sản xuất.

Quy trình, hướng dẫn: Cập nhật 04 quy trình và 04 hướng dẫn, bao gồm các nội dung về cấp phép làm việc, đánh giá nội bộ hệ thống quản lý, kiểm soát sức khỏe – vệ sinh lao động, quản lý tai nạn sự cố và hành động khắc phục; đồng thời hoàn thiện các tài liệu như Sổ tay SK-AT-CL-MT, tài liệu huấn luyện và các hướng dẫn an toàn liên quan.

Điều chỉnh áp dụng: Dừng áp dụng 01 quy trình (Quy trình quản lý công nợ) nhằm phù hợp với thực tế quản lý.

8. Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị

Theo kế hoạch năm 2025 được duyệt, Công ty dự kiến đầu tư xây dựng 01 nhà xưởng (khoảng 15,0 tỷ đồng) và mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ SXKD (khoảng 5,0 tỷ đồng). Tình hình thực hiện như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng: Công ty đã hoàn thành công tác lập, phê duyệt hồ sơ thiết kế; tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp và ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, chưa triển khai thi công do hồ sơ quy hoạch chi tiết rút gọn 1/500 của Nhà máy bọc ống đang trong quá trình hoàn thiện để trình Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM phê duyệt. Bên cạnh đó, Công ty ưu tiên bố trí mặt bằng kho, bãi phục vụ sản xuất các hợp đồng bọc ống Lô B – Ô Môn, Kinh Ngư Tráng, Long Thành,... nên tiến độ thi công được chuyển sang năm 2026.

Dự án mua sắm trang thiết bị: Đã thực hiện đầu tư 01 xe ô tô 18 chỗ với giá trị 1,17 tỷ đồng (thay thế xe 16 chỗ đã xuống cấp, sắp hết niên hạn sử dụng theo quy định). Các hạng mục thiết bị còn lại chưa triển khai nhằm tiết giảm chi phí.

9. Công tác an sinh xã hội và các hoạt động khác

An sinh xã hội: Công ty tích cực thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và chăm lo đời sống CBCNV: tổ chức tặng quà nhân ngày 8/3, ngày 01/6 và khen thưởng con CBCNV có thành tích học tập tốt; đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2025 trên 100 triệu đồng; quyên góp, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi các cơn bão số 3, 10, 13, 14. Đoàn Thanh niên tổ chức thăm hỏi, tặng quà các hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn với tổng giá trị trên 23 triệu đồng; đồng thời phối hợp cùng Công đoàn và chính quyền thăm hỏi, động viên CBCNV khi gặp khó khăn, tham gia tích cực các hoạt động xã hội, cộng đồng.

Văn hóa doanh nghiệp: Triển khai áp dụng văn hóa doanh nghiệp và văn hóa an toàn trong toàn bộ hoạt động; xây dựng môi trường làm việc văn minh, thân thiện, nâng cao hiệu quả công việc, góp phần phát triển ổn định, bền vững và nâng cao hình ảnh, thương hiệu PV Coating trên thị trường trong và ngoài nước.

Hoạt động phong trào: Tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động phong trào: hưởng ứng tháng Công nhân và tháng hành động về ATVSLĐ; tổ chức giải bóng đá nội bộ, giao lưu rèn luyện sức khỏe;; phát động phong trào sáng kiến, cải tiến trong toàn Công ty.

III. CÁC TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

Bên cạnh các kết quả đạt được như trên thì Công ty vẫn còn một số tồn tại, khó khăn cần tiếp tục nỗ lực khắc phục và có các giải pháp mạnh mẽ hơn để vượt qua trong thời gian tới, cụ thể:

- Diễn biến phức tạp của chính sách tài khóa, tiền tệ trong nước và quốc tế đã tác động đến tỷ giá, lạm phát, qua đó ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác phát triển và mở rộng dịch vụ bọc ống ra thị trường quốc tế còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do các yếu tố địa chính trị, chính sách bảo hộ và khoảng cách địa lý. Tuy nhiên, Công ty đã từng bước xây dựng được hình ảnh và vị thế tại khu vực Châu Á, được các khách hàng lớn như PTTEP, Petronas, Saipem, McDermott, Sapura,.. đưa vào danh sách nhà cung cấp (Vendor List) và tham gia chào thầu nhiều dự án như: Zawtika 1F (PTTEP – Thái Lan), CPOC Ph7 (Guangzhou – Trung Quốc),vv.

- Đối với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, mặc dù sản lượng và doanh thu tăng trưởng qua các năm nhờ đẩy mạnh tìm kiếm, ký kết hợp đồng, nhưng do đây là lĩnh vực có mức độ cạnh tranh cao và rủi ro phát sinh chi phí trong quá trình thực hiện còn lớn, nên biên độ lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng.

PHẦN B: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và kịp thời của Lãnh đạo Công ty mẹ PV GAS; sự hỗ trợ của các Ban, các đơn vị bạn, các đối tác, chính quyền địa phương ...

Tập thể cán bộ công nhân viên luôn đoàn kết, nhất trí, quyết tâm cao và có nhiều kinh nghiệm; ngày càng chuyên nghiệp; luôn nỗ lực không ngừng để cùng vượt qua những khó khăn, thách thức.

Công ty đã có được các hợp đồng bọc ống tuyến Shallow shore (PC1) và tuyến Offshore shore (PC2) cho chuỗi dự án đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn, việc này sẽ góp phần duy trì công việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận trong hoạt động SXKD của Công ty.

Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước trong thời gian tới giúp cho Công ty có thêm nhiều cơ hội tham gia thị trường dịch vụ đối với khách hàng trong lĩnh vực công nghiệp nói chung và lĩnh vực dầu khí nói riêng.

2. Thách thức

Dự kiến tình hình kinh tế, chính trị thế giới và trong nước trong năm 2026 còn nhiều diễn biến phức tạp và khó lường. Kinh tế trong nước mặc dù có dấu hiệu phục hồi, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng cao trong năm 2026 và các năm tiếp theo nhưng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro. Xung đột tại Trung đông, chuỗi cung ứng và Logistics bị gián đoạn, cước vận tải tăng cao, kéo dài thời gian nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế. Biến động phức tạp của tỷ giá, giá vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, lạm phát, lãi suất vay,... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2026.

Hoạt động triển khai sản xuất 02 gói thầu bọc ống PC1, PC2 có khối lượng công việc rất lớn, yêu cầu kỹ thuật, chất lượng rất cao, đòi hỏi tiến độ rất nghiêm ngặt; quản lý nhiều giao diện. Do đó việc duy trì độ tin cậy, độ sẵn sàng của hệ thống thiết bị dây chuyền bọc ống, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các Bên cần được chú trọng đặc biệt.

Việc phát triển, mở rộng thị trường dịch vụ ngoài ngành luôn chịu sự cạnh tranh của các đơn vị trong và ngoài nước. Các chi phí đầu vào (nhân công, nguyên, nhiên, vật liệu,...) tăng cao, biến động mạnh gây khó khăn cho công tác đấu thầu và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của các hợp đồng dịch vụ.

II. NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Thực hiện các hợp đồng bọc ống và dịch vụ đã ký kết đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ. Tập trung nguồn lực (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nhân lực, tài chính, ...) để thi công các hợp đồng bọc ống cho chuỗi dự án Lô B - Ô Môn.

2. Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng khách hàng trong và ngoài ngành; nghiên cứu mở rộng thị trường, lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Nâng cao công tác quản trị; rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4. Kiểm soát, tiết giảm và sử dụng chi phí tối ưu phù hợp tình hình hoạt động; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Thường xuyên rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, Tổng công ty và thực tiễn hoạt động của đơn vị.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2026	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	1.110,00	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.110,00	
3	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	80,0	
4	Lợi nhuận ST	Tỷ đồng	64,0	
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	50,8	

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Triển khai thi công các Hợp đồng đã và chuẩn bị ký kết.

Tập trung triển khai thi công hoàn thành các Hợp đồng bọc ống gói PC1 và PC2 – thuộc chuỗi dự án khí Lô B Ô Môn đúng tiến độ, an toàn, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Thực hiện các hợp đồng dịch vụ khác: bọc và sơn bên trong cho đường ống dẫn nhiên liệu sân bay Phú Quốc, bọc Field joint cho tuyến ống PC1, và một số hợp đồng dịch vụ, thương mại khác đã ký kết theo đúng quy định hợp đồng.

2. Công tác chào giá, đấu thầu và phát triển thị trường

Theo dõi sát tiến độ triển khai các dự án (Sư Tử Trắng Phase 2, Khánh Mỹ - Đầm Dơi,...) và các dự án khác có hạng mục bọc ống để tham gia chào giá, đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng.

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, phát triển và mở rộng thị trường bọc ống trong và ngoài nước; tăng cường hợp tác với các tổng thầu, đại lý quốc tế, đồng thời bám sát các khách hàng/dự án đã tiếp cận để nâng cao cơ hội trúng thầu.

Tiếp tục tích cực tham gia tìm kiếm, phát triển và mở rộng dịch vụ bọc ống ra thị trường nước ngoài thông qua việc hợp tác với các đối tác là các đơn vị tổng thầu, đại lý bán hàng quốc tế; bám sát tiến độ triển khai tại các dự án của khách hàng/chủ đầu tư mà PV Coating đã tham gia chào giá trước đây.

Phát triển mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD, tập trung vào các lĩnh vực mà PV Coating có thế mạnh, các lĩnh vực nằm trong chuỗi giá trị của PV GAS; tính

toán tối ưu các chi phí để xây dựng giá chào hợp lý và cạnh tranh nhằm tăng khả năng trúng thầu.

Liên kết, hợp tác với các đơn vị trong khối dịch vụ, đơn vị trong PV GAS, Petrovietnam để mở rộng thị trường, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới nằm trong chuỗi giá trị của PV GAS.

3. Về hoạt động sản xuất

Tối ưu hóa năng suất, hiệu suất dây chuyền bọc ống, đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ các hợp đồng bọc ống (đặc biệt chuỗi dự án Lô B – Ô Môn); tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả vận hành (hiện năng suất bọc 3LPE tăng ~30%, CWC tăng ~25% so với trước).

Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng kế hoạch; chủ động mua sắm vật tư dự phòng, đảm bảo máy móc, dây chuyền thiết bị luôn trong trạng thái sẵn sàng, ổn định phục vụ sản xuất.

Tổ chức sản xuất hợp lý: bố trí ca kíp phù hợp, đảm bảo sức khỏe người lao động và tối ưu chi phí; đồng thời xây dựng phương án thi công hiệu quả đối với các hợp đồng dịch vụ ngoài ngành nhằm gia tăng lợi nhuận.

Chủ động lập kế hoạch mua sắm vật tư chính, đặt hàng sớm và đàm phán giá; thiết lập các điều khoản ràng buộc về giá (giá cố định, biên độ điều chỉnh, cơ chế chia sẻ rủi ro...) nhằm kiểm soát chi phí và hạn chế tác động của biến động giá đến hoạt động SXKD.

4. Về quản trị, nhân sự và đào tạo

Rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình và định mức nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Nhà nước và Tổng Công ty, đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tập trung đội ngũ kỹ thuật chất lượng cao; tăng cường đào tạo nội bộ, tự đào tạo để tối ưu chi phí.

Sắp xếp, bố trí lao động phù hợp với khối lượng công việc theo từng thời điểm; đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí hành chính, quản lý hiệu quả các hợp đồng dịch vụ, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

Tăng cường xây dựng và thực hành văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn; từng bước khẳng định PV Coating là đơn vị bọc ống uy tín trong nước và có năng lực cạnh tranh trong khu vực.

5. Về tài chính - kế toán

Lĩnh vực tài chính:

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn; xây dựng và điều hành kế hoạch dòng tiền theo từng dự án/hợp đồng, đảm bảo cân đối thu – chi và duy trì khả năng thanh khoản.

- Chủ động xây dựng phương án thu xếp vốn kịp thời để triển khai các hợp đồng đã ký kết; đa dạng hóa nguồn vốn, đồng thời tối ưu chi phí sử dụng vốn.

- Tăng cường quản lý công nợ, chi phí: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu – thanh toán; đồng thời khai thác hợp lý công nợ phải trả nhằm tối ưu dòng tiền.

- Kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh: xây dựng và giám sát định mức chi phí, phân tích biến động chi phí theo từng yếu tố để kịp thời có giải pháp tiết giảm, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Chủ động theo dõi biến động giá nguyên vật liệu; phối hợp với các bộ phận liên quan để xây dựng phương án tài chính phù hợp (đàm phán giá, điều kiện thanh toán...) nhằm hạn chế rủi ro tăng giá.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính, đặc biệt là rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá (nếu có) và rủi ro biến động giá đầu vào.

Lĩnh vực kế toán:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các chế độ chính sách hiện hành.

- Thực hiện hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; đảm bảo số liệu kế toán phản ánh trung thực, minh bạch tình hình tài chính của Công ty.

- Theo dõi, đối chiếu và báo cáo công nợ định kỳ; phối hợp với các bộ phận liên quan để xử lý, thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh nợ xấu.

- Thường xuyên cập nhật các quy định mới về tài chính – kế toán, thuế; đảm bảo việc kê khai, quyết toán thuế đúng quy định, hạn chế rủi ro pháp lý.

- Tăng cường kiểm soát nội bộ trong công tác kế toán: rà soát quy trình thanh toán, tạm ứng, quyết toán; phòng ngừa sai sót, thất thoát.

6. Các giải pháp khác

Tiếp tục duy trì, cải tiến hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng – Môi trường; đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

Phát huy sáng kiến cải tiến trong tất cả các mặt hoạt động của Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu,... để tạo thêm các sản phẩm mới, giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh.

Nâng cao năng lực về nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc nhằm chủ động chuẩn bị phục vụ công tác tiếp thị, triển khai thi công các hợp đồng dịch vụ, và phù hợp với định hướng phát triển mở rộng các lĩnh vực SXKD của Công ty.

Sắp xếp, chỉnh trang cơ sở vật chất, văn phòng làm việc; tạo môi trường làm việc khang trang. Từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; tăng thu nhập cho người lao động phù hợp với điều kiện, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là dự thảo “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 và kế hoạch triển khai năm 2026” của Công ty PV Coating trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời mong muốn Đại hội đóng góp những ý kiến thiết thực giúp tập thể Ban điều hành và người lao động thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội vì sự phát triển của Công ty.

Thay mặt Ban điều hành Công ty PV Coating, xin trân trọng cảm ơn và kính chúc các đồng chí Lãnh đạo, toàn thể Quý cổ đông và gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phương Thảo

Số: /BC-HĐQT

Phú Mỹ, ngày tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọong Ớng Dầu khí Việt Nam xin gửi đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 báo cáo quá hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. Hoạt động trong năm 2025 của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2025, Công ty có khá nhiều thuận lợi: ngành Dầu khí triển khai nhiều dự án, nhờ đó Công ty đã chào thầu, ký kết và triển khai thi công, hoàn thành các hợp đồng bọong Ớng cho chuỗi dự án Lô B – Ô Môn (*tuyến Onshore và tuyến nội mớ*), dự án Lạc Đà Vàng, Thiên Nga – Hải Âu; đồng thời ký kết được nhiều hợp đồng dịch vụ kỹ thuật và thương mại với các khách hàng công nghiệp trong và ngoài nước. Bên cạnh thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít thách thức do rào cản thương mại, chính sách thuế đối ứng của Mỹ; chính sách nới lỏng tiền tệ ở một số quốc gia và trong nước gây ảnh hưởng đến tỷ giá, đã ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó có PVCoating.

- Để thực hiện kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo và luôn chủ động phối hợp với Ban điều hành tận dụng các cơ hội, tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng Bọong Ớng cho Chủ đầu tư /Tổng thầu (*tuyến ống nội mớ, tuyến ống bờ của chuỗi Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn; dự án Lạc Đà Vàng; Thiên Nga - Hải Âu...*); Sơn; đồng thời tiếp tục phát triển các dịch vụ kỹ thuật, thương mại khác trong và ngoài ngành có lợi thế cạnh tranh, để phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được Đại hội đồng thường niên cổ đông đã thông qua.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 11/04/2025 và họp thường kỳ, đột xuất theo quy định để phê duyệt, thông qua và ban hành các Nghị quyết/Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị làm cơ sở để Ban điều hành tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi trong các hoạt động SXKD và phát triển dịch vụ, thị trường.

- Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2025;

- Chỉ đạo Ban điều hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Quy trình...để phù hợp với các qui định của pháp luật, đặc thù hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản trị của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng

cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty;

- Chỉ đạo việc công bố kịp thời các thông tin theo qui định của luật chứng khoán đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

2. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị năm 2025:

Ngoài việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã phân công cho từng Thành viên thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

2.1 Ông Bùi Tường Định – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Bên cạnh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các qui định của luật khác có liên quan, Chủ tịch chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định liên quan khác; đồng thời phụ trách lĩnh vực:

- Chiến lược/định hướng phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, Công tác tổ chức nhân sự, đổi mới doanh nghiệp của Công ty;
- Công tác tài chính liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng vốn, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng quỹ;
- Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ các phiên họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- Triệu tập và chủ tọa các phiên họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo quy định luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Theo dõi, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các văn bản khác của Hội đồng quản trị ban hành;

Nhận xét: Ông **Bùi Tường Định** đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành suất sắc nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực phụ trách.

2.2 Ông Nguyễn Phương Cảo – Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty

Bên cạnh việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT và của Giám đốc Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, Qui chế hoạt động của Ban Giám đốc và các quy định của Luật khác có liên quan, đồng thời phụ trách các lĩnh vực:

- Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:
- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, điều hành công tác sản xuất kinh

doanh;

- + Công tác thương mại, tài chính kế toán, tiền lương, tuyển dụng, đào tạo;
- + Công tác thanh-quyết toán các hợp đồng/dự án; công tác thu hồi công nợ;
- + Công tác đối ngoại, tiếp thị, phát triển thị trường, đổi mới công nghệ;
- + Công tác đầu tư theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tổ chức, triển khai thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông **Nguyễn Phương Cảo** đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT và quyền & nghĩa vụ của Giám đốc Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, qui chế hoạt động của Ban giám đốc và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành suất sắc nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực phụ trách.

2.3 Ông Trần Đăng Thuyết – Thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan, đồng thời phụ trách các lĩnh vực:

- Tham gia xây dựng kế hoạch của Công ty;
- Tham gia chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Công tác Đầu tư xây dựng của Công ty (các thủ tục pháp lý về quản lý các dự án đầu tư; phê duyệt, thực hiện dự án đầu tư);
- Theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông **Trần Đăng Thuyết** đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực phụ trách.

2.4 Ông Trịnh Hải – Thành viên Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan, đồng thời phụ trách các lĩnh vực:

- Tham gia xây dựng kế hoạch của Công ty;
- Tham gia công tác phát triển dịch vụ kỹ thuật, thương mại, phát triển thị trường;
- Công tác kế hoạch, quý, năm và theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty;
- Tham gia chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành.

Nhận xét: Ông **Trịnh Hải** đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực phụ trách.

2.5 Ông Vũ Tuấn Ngọc - Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định Luật khác có liên quan và phụ trách các lĩnh vực:

- Tham gia cho ý kiến xây dựng kế hoạch của Công ty; theo dõi các giao dịch của Người có liên quan;

- Theo dõi việc thực hiện các biên bản, Nghị quyết, Quyết định Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và các văn bản khác của HĐQT ban hành;

Nhận xét: Ông **Vũ Tuấn Ngọc** đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của Thành viên Độc lập HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của Luật khác có liên quan; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về các lĩnh vực trực tiếp phụ trách.

II. Đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động trong năm 2025 của HĐQT

Đánh giá tổng thể: HĐQT hoàn thành tốt chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT theo qui định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và các quy định của Luật khác có liên quan. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị đối với công ty đại chúng; tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

(Chi tiết như báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động trong năm 2025 của HĐQT).

III. Tổng kết các cuộc họp và các Quyết định của Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp của Hội đồng.

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp trực tiếp 07 lần và lấy ý kiến các Thành viên hội đồng quản trị bằng văn bản 16 lần để xem xét, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty được liên tục, kịp thời và tuân thủ các Quy chế, Quy định của Công ty và các văn bản luật có liên quan.

Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia trực tiếp của các Thành viên Hội đồng quản trị, các lần xin ý kiến các Thành viên bằng văn bản đều nhận được sự phản hồi đồng thuận của các Thành viên.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 11/04/2025 với sự có mặt tham dự của tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị.

HĐQT xem xét thông qua báo cáo liên quan đến tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các kiến nghị của các cổ đông và kết luận của các đoàn kiểm tra các cơ quan hữu quan.

Hội đồng quản trị thường xuyên thảo luận, trao đổi trực tiếp Ban điều hành để cùng tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty,

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã ban hành 26 Nghị quyết và 14 Quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong Công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị (*Phụ lục Nghị quyết, Quyết định như đính kèm*).

III. Kết quả giám sát Ban điều hành trong năm 2025:

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban điều hành, đảm bảo hoạt động của Công ty được kiểm soát, minh bạch, tuân thủ các qui chế, qui định và các định hướng/ kế hoạch.

Trong năm 2025, Ban điều hành đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành Công ty, cụ thể:

- Cải tiến, đổi mới tư duy làm việc, nắm bắt các cơ hội tìm kiếm việc làm, phát triển thị trường, cung cấp dịch vụ kỹ thuật- thương mại cho các khách hàng trong và ngoài ngành; tổ chức sản xuất/ thi công hợp lý, bám sát tiến độ các hợp đồng/ dự án và đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025;

- Tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo của HĐQT và báo cáo đầy đủ theo qui định;

- Quản lý, điều hành các hoạt động SXKD theo đúng phân cấp và các Quy chế, Quy định, Quy trình của Công ty;

- Định kỳ thực hiện rà soát, cập nhật sửa đổi, bổ sung các, Quy định, quy trình phù hợp với các văn bản luật hiện hành của Nhà nước và đặc thù hoạt động của Công ty.

IV. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2026:

1. Kế hoạch SXKD năm 2026:

Căn cứ các Hợp đồng bọc ống đã ký kết và các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật, thương mại, khác có tiềm năng triển khai trong năm, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.110
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	64

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026:

Trước tình hình kinh tế, chính trị thế giới trong năm 2026 diễn biến phức tạp và khó lường (chiến tranh khu vực Trung Đông mở rộng, leo thang; Nga – Ucraina kéo dài) đang gây áp lực nặng nề, bị ảnh hưởng lớn lên doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Tác động chính bao gồm chi phí logistics tăng vọt (*cước vận tải biển/hàng không, bảo hiểm*), rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng vật tư chính và giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao tạo sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất, làm tăng chi phí sản xuất.... nên sẽ tiếp tục ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty.

Việc phát triển, mở rộng thị trường cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, thương mại khác luôn chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhất là các Doanh nghiệp tư nhân có giá thành nhân công, chi phí quản lý doanh nghiệp thấp gây khó khăn cho công tác đấu thầu và ảnh hưởng đến hiệu quả của các hợp đồng dịch vụ.

Vì vậy để hoàn thành và hoàn thành vượt Kế hoạch năm 2026, Hội đồng quản trị xác định những phương hướng hoạt động chính như sau:

- Chỉ đạo sát sao, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tăng cường công tác quản trị rủi ro, quản lý điều hành, tối ưu các nguồn lực, tập trung tổ chức triển khai thực hiện các Hợp đồng đã ký kết với Tổng thầu/Chủ đầu tư: *Hợp đồng Bọc ống - Dự án đường ống dẫn khí Block B - Ô Môn, gói PC1 và PC2; Hợp đồng dịch vụ bọc ống, bends và riser - Dự án EPCI Đại Hùng Nam; Hợp đồng bọc ống-sơn đường ống dẫn nhiên liệu của Sân bay Phú Quốc và các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật khác* đảm bảo tiến độ - chất lượng - an toàn và hiệu quả cao nhất;

- Nâng cao công tác quản trị; rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy; đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến trong kỹ thuật/ sản xuất và quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh;

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ quá hạn, khó đòi, đồng thời chú trọng trong công tác nghiệm thu, thanh - quyết toán các dự án/hợp đồng thi công; hợp đồng cung cấp dịch vụ đủ điều kiện theo các mốc thanh toán và đã hoàn thành, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và giảm chi phí tài chính.

- Kiểm soát, tiết giảm và tối ưu chi phí phù hợp với khối lượng công việc tại từng thời điểm;

- Tiếp tục duy trì các các phiên họp định kỳ theo qui định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để chỉ đạo, giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm thúc đẩy công việc;

- Phối hợp với Ban điều hành tiếp tục đẩy mạnh công tác thị trường/khách hàng để phát triển, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật/thương mại ngoài lĩnh vực bọc ống, tập trung vào các lĩnh vực Công ty có thế mạnh để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty;

- Chú trọng công tác dự báo các biến động/thay đổi của thị trường, nắm bắt kịp thời thông tin các dự án trong ngành/ ngoài ngành, trong nước và khu vực; nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ và năng lực cạnh tranh trong công tác

cung cấp dịch vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực/cơ hội đầu tư để đầu tư mở rộng ngành nghề sản xuất/sản phẩm mới, dịch vụ kỹ thuật mới có lợi thế cạnh tranh, nhằm đáp ứng cho định hướng trung và dài hạn.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các Quy chế, Quy định của Công ty để phù hợp với các văn bản của pháp luật và tình hình thực tiễn của Công ty;

- Đôn đốc, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền;

- Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo qui chế, kế hoạch;

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cổ đông cũng như thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc đối với cán bộ, người lao động trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch, phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2026, kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, góp ý và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Ban GD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tường Định

PHỤ LỤC

Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025

(Đính kèm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị).

1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2025	Thông qua nội dung Hợp đồng Bọc ống ký với Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí Biển PTSC.
2	02/NQ-HĐQT	20/01/2025	- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD quý 4/2024. - Thông qua Báo cáo tài chính quý 4/2024. - Thông qua báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024.
3	03/NQ-HĐQT	21/01/2025	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2025.
4	04/NQ-HĐQT	12/02/2025	Thông qua nội dung Hợp đồng Bọc ống ký với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.
5	05/NQ-HĐQT	12/02/2025	Thông qua nội dung Hợp đồng Bọc ống ký với Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC.
6	06/NQ-HĐQT	11/03/2025	Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2025.
7	07/NQ-HĐQT	28/03/2025	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024.
8	08/NQ - ĐHCĐ	11/04/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
9	09/NQ-HĐQT	24/04/2025	- Thông qua Báo cáo SXKD quý 1/2025. - Thông qua Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2025.
10	10/NQ-HĐQT	24/04/2025	Chấp thuận các khoản chi có tính chất phúc lợi hạch toán vào chi phí sản xuất năm 2025.
11	11/NQ-HĐQT	09/05/2025	Ủy quyền phân cấp đầu tư, quản lý đầu thầu thực hiện các dự án đầu tư năm 2025 của Công ty.
12	12/NQ-HĐQT	14/07/2025	Chấp thuận hạn mức tín dụng tại ngân hàng VPBank - Chi nhánh Vũng Tàu
13	13/NQ-HĐQT	14/07/2025	Chấp thuận hạn mức tín dụng tại ngân hàng Woori Bank - Chi nhánh Sài Gòn
14	14/NQ-HĐQT	14/07/2025	Thông qua nội dung chính Hợp đồng “Provision of Coating services for Line Pipe, Riser, Bend, Fitting dự án Thiên Nga – Hải Âu” ký với Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro

15	15/NQ-HĐQT	15/07/2025	Ban hành chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2025.
16	16/NQ-HĐQT	25/07/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo SXKD quý 2/2025. - Thông qua báo cáo tài chính quý 2/2025. - Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025. - Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty do thay đổi địa danh hành chính. - Phê duyệt mức thưởng Người quản lý Công ty năm 2024.
17	17/NQ-HĐQT	25/07/2025	- Chấp thuận bổ nhiệm lại Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty.
18	18/NQ-HĐQT	23/09/2025	Thông qua nội dung chính của Hợp đồng “Bọc ống - Dự án đường ống dẫn khí Block B - Ô Môn PC1” ký với Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Thiên Nam.
19	19/NQ-HĐQT	25/09/2025	Thông qua nội dung chính của Hợp đồng “Bọc ống - Dự án đường ống dẫn khí Block B - Ô Môn PC2” ký với Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng.
20	20/NQ-HĐQT	13/10/2025	Chấp thuận hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Vũng Tàu.
21	21/NQ-HĐQT	13/10/2025	Chấp thuận hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Vũng Tàu.
22	22/NQ-HĐQT	23/10/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo SXKD quý 3/2025. - Thông qua Báo cáo tài chính quý 3/2025.
23	23/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua nội dung chính của Hợp đồng “Bọc ống, bends và riser - Dự án EPCI Đại Hùng Nam” ký với Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro
24	24/NQ-HĐQT	17/11/2025	Chấp thuận hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ.
25	25/NQ-HĐQT	17/11/2025	Chấp thuận hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu.
26	26/NQ-HĐQT	27/11/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Minh - Giữ chức Phó giám đốc Công ty. - Chấp thuận bổ nhiệm ông Đỗ Tấn - Giữ chức Phó giám đốc Công ty.
27	27/NQ-HĐQT	02/12/2025	Thông qua nội dung chính của Hợp đồng “Bọc mối nối - Dự án đường ống dẫn khí Block B - Ô Môn PC1” ký với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam.

2. Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của Người quản lý.
02	02/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2025.
03	03/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty.
04	04/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Xếp lương chức danh ông Trịnh Hải.
05	05/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Nâng bậc lương chức danh ông Lê Đức Hòa.
06	06/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Nâng bậc lương chức danh ông Nguyễn Văn Quang.
07	07/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025
08	08/QĐ-HĐQT	25/07/2025	Phê duyệt mức thưởng Người quản lý Công ty năm 2024
09	09/QĐ-HĐQT	25/07/2025	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.
10	10/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Minh giữ chức Phó giám đốc Công ty.
11	11/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Đỗ Tấn giữ chức Phó giám đốc Công ty.
12	12/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty đối với bà Nguyễn Thị Huyền.
13	13/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Quyết định xếp hệ số lương chức danh công việc ông Nguyễn Thành Minh.
14	14/QĐ-HĐQT	27/11/2025	Quyết định xếp hệ số lương chức danh công việc ông Đỗ Tấn.

TỜ TRÌNH

**Về việc Thông qua báo cáo hoạt động năm 2025,
phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát
và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo hoạt động năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát và đề xuất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 trong số các Công ty kiểm toán hàng đầu (Deloitte, Ernst and Young, KPMG và PricewaterhouseCoopers Việt Nam).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Đức Hòa

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2025, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2026

I. Báo cáo Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Kiểm tra giám sát:

- Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã được đề ra, phản ánh những kết quả đã đạt được cũng như các nội dung cần lưu ý, khắc phục và hoàn thiện trong hoạt động và công tác quản trị nội bộ của PVCoating. Toàn bộ các tài liệu của Ban kiểm soát (Biên bản, công văn, báo cáo...) đều được gửi đến Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty PVCoating;

- Xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của PVCoating; kết quả kiểm tra, kiểm toán của các Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị kiểm toán độc lập về tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý sử dụng vốn, tài sản cũng như các hoạt động đầu tư, mua sắm; công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí, phòng chống lãng phí, tiêu cực; các hoạt động khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, Tổng công ty...

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hữu quan có thẩm quyền;

- Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của PVCoating; trong đó, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và những tồn tại, thiếu sót để báo cáo cho cổ đông lớn là PV Gas.

b. Thẩm định báo cáo tài chính:

- Tiến hành thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm để góp phần hạn chế các sai sót trong tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, tuân thủ yêu cầu về tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cân trọng. Kết quả thẩm định cho thấy:

+ Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm) năm 2025 đã phản ánh đúng, hợp lý tình hình tài chính của PVCoating tại thời điểm 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025;

+ Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PVCoating tại thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025;

+ Báo cáo tài chính năm 2025 của PVCoating đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo quy định tại điều lệ PVCoating và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

+ Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2025 của PVCoating là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn vốn;

- + Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định;
- + Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- + Thực hiện báo cáo quản trị định kỳ theo quy định của PV Gas;
- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Thường xuyên trao đổi thông tin định kỳ và đột xuất, phối hợp cùng làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để ghi nhận và xử lý các ý kiến của kiểm toán viên.

c. Các cuộc họp và quyết định của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 07 cuộc họp:

- Lần 1: ngày 15/01/2025, nội dung:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý 4 năm 2024;
 - + Thảo luận kết quả giám sát quý 4/2024.
- Lần 2: ngày 18/03/2025, nội dung:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024;
 - + Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, phương hướng hoạt động năm 2024;
 - + Thông qua các tài liệu BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2025.
- Lần 3: ngày 11/04/2025, nội dung:
 - + Bầu trưởng ban kiểm soát.
- Lần 4: ngày 15/04/2025, nội dung:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý 1 năm 2025;
 - + Thảo luận kết quả giám sát quý 1/2025.
- Lần 5: ngày 16/07/2025, nội dung thảo luận:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý 2 năm 2025;
 - + Thảo luận kết quả giám sát quý 2/2025.
- Lần 6: ngày 12/08/2025, nội dung soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm năm 2025.
- Lần 7: ngày 15/10/2025, nội dung thảo luận:
 - + Thẩm định báo cáo tài chính quý 3 năm 2025;
 - + Thảo luận kết quả giám sát quý 3/2025.

Ngoài ra Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp. Ban kiểm soát cũng chủ động trao đổi với Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo PVCoating khi có các phát sinh, nội dung cần lưu ý.

d. Tóm tắt các đề xuất kiến nghị của Ban kiểm soát:

Các ý kiến đề nghị của BKS tập trung vào các vấn đề sau:

+ Thu hồi công nợ khó đòi: Công ty đã thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ (Công văn đề nghị thanh toán, ...); Trong năm 2025, đã cơ bản thu nợ khó đòi với khách hàng PVE. Đến cuối ngày 31/12/2025; các công ty thuộc diện nợ khó đòi là Công ty PVC-MS, Công ty TNHH Xây lắp và TM Việt Á Châu, Công ty TNHH Đầu tư Sông La với số dư các khoản đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi theo qui định số tiền là 8.040.197.645vnd. Tuy nhiên Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ đặc biệt lưu ý với các khoản nợ xấu (PVC-MS) và sắp chuyển sang nợ xấu.

+ Quản lý hàng tồn kho: Đề nghị Công ty sử dụng triệt để hàng tồn kho, có kế hoạch mua sắm phù hợp với tình hình/tiến độ sản xuất và sử dụng tối đa nguyên vật liệu tồn kho đảm bảo hiệu quả cao nhất; đặc biệt trong thời gian tới khi triển khai các hợp đồng bọc ống giá trị cao

+ Mua sắm TSCĐ: Thủ tục mua sắm, đầu tư, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng đúng theo quy định.

+ Quản lý tiền gửi, tiền vay đúng quy định, tiết kiệm chi phí, đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động SXKD.

+ Đề nghị Ban điều hành PVCoating tập trung vào công tác sau: (i) tập trung tổ chức quản lý, quản trị điều hành để đảm bảo an toàn trong sản xuất, tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy trình nội bộ của Công ty, (ii) quản lý chi phí hiệu quả (lập dự toán thực thi hợp đồng, tăng cường kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo hiệu quả của các hợp đồng phù hợp với các phê duyệt tại Nghị quyết của Hội đồng quản trị); (iii) quản lý tài chính tối ưu (thu xếp đủ nguồn vốn ngắn hạn để thực hiện các hợp đồng, quản lý các khoản phải thu/phải trả và cân đối nguồn vốn để đảm bảo khả năng thanh toán).

2. Hoạt động của Thành viên Ban kiểm soát:

- Trên cơ sở các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ PVCoating, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của thành viên trong BKS;

- Các thành viên trong Ban kiểm soát có trách nhiệm giải quyết, đề xuất xử lý các vấn đề theo phạm vi công việc được phân công và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Trưởng ban về ý kiến, tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ số liệu của mình.

- Các báo cáo, ý kiến và kiến nghị của Ban kiểm soát phải được trao đổi lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát trên cơ sở bàn bạc và thống nhất theo đa số.

- Công việc thực tế được phân công có thể được điều chỉnh bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế đối với từng thành viên trong Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên trong Ban kiểm soát như sau:

2.1 Ông Lê Đức Hòa: lĩnh vực phụ trách:

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện;

+ Tiếp nhận báo cáo kết quả kiểm soát của các kiểm soát viên và tổ chức hợp để xử lý (nếu cần);

+ Thực hiện kế hoạch được đại hội cổ đông PVCoating và Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (Tổng công ty) phê duyệt;

+ Thực hiện các chỉ đạo của Tổng công ty, khuyến nghị của các cơ quan thanh, kiểm tra và các cơ quan hữu quan khác...;

+ Sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ;

+ Mua sắm thường xuyên phục vụ SXKD, cung ứng dịch vụ;

+ Đầu tư mua sắm TSCĐ;

+ Quản lý tài sản nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho;

+ Huy động vốn, tiền gửi tại các TCTD;

+ Phân phối thu nhập, kết quả SXKD.

Đánh giá: với vai trò Trưởng ban kiểm soát, Ông Lê Đức Hòa đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy Ban kiểm soát tinh gọn, hoạt động đều đặn, hiệu quả; đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị công ty...

2.2 Bà Phạm Thị Ánh Tuyết, phụ trách các lĩnh vực:

+ Kế khai, nộp và thanh quyết toán với cơ quan Thuế;

+ Thanh quyết toán tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác cho CBCNV và các khoản trích nộp theo quy định;

Đánh giá: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đã xem xét, kiểm tra và có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị dòng tiền, kế khai và quyết toán thuế...

2.3 Bà Tô Thị Huyền, phụ trách các lĩnh vực:

+ Quản lý tài sản (TSCĐ, hàng tồn kho...);

+ Quản lý công nợ;

+ Trích lập dự phòng.

Đánh giá: Bà Tô Thị Huyền đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đã xem xét, kiểm tra và có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị hàng tồn kho, công nợ...

Đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2025:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Xếp loại năm 2025
01	Lê Đức Hòa	Trưởng ban kiểm soát	Hoàn thành tốt
02	Phạm Thị Ánh Tuyết	Kiểm soát viên	Hoàn thành tốt
03	Tô Thị Huyền	Kiểm soát viên	Hoàn thành tốt

3. Phương hướng hoạt động trong năm 2026 của Ban kiểm soát:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

Tiếp tục tổ chức bộ máy Ban kiểm soát hoạt động với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ điều lệ công ty, đúng theo quy chế Ban kiểm soát đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Cử các thành viên trong Ban kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát (nếu có);

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

Thực hiện giám sát tình hình thực hiện các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông;

Xem xét, đóng góp ý kiến (nếu có) đối với các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc;

Giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, đấu thầu và các hoạt động khác...

Thẩm định báo cáo tài chính bán niên, năm. Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập để đảm bảo chất lượng báo cáo tài chính;

Phối hợp hoạt động với tiểu ban kiểm toán nội bộ;

Lập và gửi báo cáo kiểm tra giám sát hàng quý, năm cho cổ đông lớn (PV Gas) đúng thời hạn;

Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kiểm soát, Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của PV Gas để có được sự thống nhất, hỗ trợ tốt trong công việc kiểm tra, giám sát.

4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm 2025:

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể Hội đồng quản trị đã mời BKS tham dự các cuộc họp, ghi nhận các ý kiến của Ban kiểm soát (nếu có) trong các cuộc họp thường kỳ và các lần lấy ý kiến bằng văn bản. Ban giám đốc cử nhân sự phối hợp làm việc cùng Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu.

Ban kiểm soát đã chủ động liên hệ, trao đổi trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc khi thấy có công việc phát sinh, nội dung cần lưu ý trong quá trình triển khai công việc thường xuyên và/hoặc đột xuất.

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với các Cổ đông:

Ban kiểm soát đã phối hợp với cổ đông lớn (PV Gas) trong hoạt động kiểm tra, giám sát PVCoating đồng thời BKS đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ theo yêu cầu của PV Gas.

Trong năm 2025 không có yêu cầu của các cổ đông khác với Ban kiểm soát.

II. Kết quả giám sát đối với tình hình hoạt động và tài chính của PVCoating:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:
 - + Doanh thu 831,17 tỷ VNĐ (bằng 153,9% kế hoạch);
 - + Lợi nhuận trước thuế 76,08 tỷ VNĐ (bằng 152,2% kế hoạch);
- Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn công ty Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm 2025;
- Tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát thực hiện đúng theo tinh thần nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua;
- Các chỉ tiêu tài chính năm 2025:

Tổng tài sản:	1.172.205.038.348 đ
Tài sản ngắn hạn:	1.111.698.091.987 đ
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	454.885.766.216 đ
- Hàng tồn kho:	288.560.512.652 đ
Tài sản dài hạn:	60.506.946.361 đ
Nợ phải trả:	733.395.461.999 đ
- Nợ ngắn hạn:	707.213.801.834 đ
- Nợ dài hạn:	26.181.660.165 đ
Nguồn vốn chủ sở hữu:	438.809.576.349 đ

- Đã thực hiện tốt các nội khác trong nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm 2025

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Đã ban hành 27 nghị quyết và 14 quyết định đúng thẩm quyền quy định trong điều lệ;
- Đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát Ban giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Về hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Ngày 25/07/2025 HĐQT đã ra quyết định số 09/QĐ-HĐQT phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025. Ngày 22/09/2025 Đoàn kiểm toán nội bộ đã có báo cáo số 82/BC-KTNB báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện công việc của Đoàn.

2. Hoạt động của Giám đốc:

- Đã triển khai, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/ Quyết định/ Chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban giám đốc;
- Tổ chức bộ máy hoạt động hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả;
- Chỉ đạo sát sao, khắc phục các khó khăn, vướng mắc;
- Duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng hiện hữu, mở rộng và thường xuyên tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, khách hàng mới, đơn hàng mới.

IV. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Thực hiện năm 2025		
			Kế hoạch tiền lương, thù lao được ĐHCĐ năm 2025 phê duyệt	Tổng thu nhập thực tế	
				Tiền lương	Thù lao
1	Lê Đức Hòa	Trưởng BKS	774.317.441	782.247.001	0
2	Phạm Thị Ánh Tuyết	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	60.000.000	0	60.000.000
3	Tô Thị Huyền	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	60.000.000	0	60.000.000
	Tổng cộng		894.317.441	782.247.001	120.000.000

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2025 phát sinh giao dịch như sau: Không

VI. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026:

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính trong số các Công ty kiểm toán hàng đầu (Deloitte, Ernst and Young, KPMG và PwC).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, các báo cáo tài chính năm 2025, báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam như sau:

I. Cơ sở thẩm định:

- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các sửa đổi, bổ sung.
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, các báo cáo tài chính năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2026, Báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Hội đồng Quản trị, đính kèm biên bản họp số 03/BB-HĐQT ngày 21/04/2026 về việc xem xét bộ tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam.
- Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

II. Nội dung công việc đã thực hiện:

Thực hiện thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, các báo cáo tài chính năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động quản lý, điều hành năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam, Ban kiểm soát đã tiến hành:

- Rà soát việc trình bày báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 trên các lĩnh vực hoạt động, sự phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của Công ty.
- Xem xét, phân tích các số liệu, thông tin được trình bày trong BCTC kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt nam. Đối chiếu các số liệu trong báo cáo với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025.

- Rà soát việc trình bày các BCTC của Công ty đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- + Đánh giá việc lựa chọn các chính sách kế toán chủ yếu và tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách.
- + Đánh giá tính hợp lý và thận trọng của các đánh giá cũng như các ước tính của Công ty trong trình bày BCTC (các ước tính ảnh hưởng đến việc tính toán và ghi nhận doanh thu, chi phí, thu nhập, và trích các khoản dự phòng trong kỳ)
- Rà soát đối chiếu báo kết quả hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị với các văn bản có liên quan như : biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị/ báo cáo quý/năm của Giám đốc về kết quả điều hành sản xuất kinh doanh ...
- Ban Kiểm soát thực hiện xem xét trên cơ sở số liệu, báo cáo do Phòng TCKT của PVCoating cung cấp, không thực hiện xem xét hồ sơ chi tiết lập thành số liệu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của PVCoating.

III. Kết quả thẩm định:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh đã trình bày đầy đủ các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty : Sản xuất sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia công đường ống, kiểm tra, phân tích kỹ thuật và cấp chứng chỉ chất lượng các loại vật liệu, sản phẩm bọc ống chống ăn mòn, bọc cách nhiệt, bọc bê tông gia trọng và bồn bể chứa; Các lĩnh vực hoạt động : ký kết hợp đồng và triển khai thi công, Phát triển thị trường, chào giá và đấu thầu, công tác an toàn, sức khoẻ, môi trường, bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị, mua sắm TSCĐ, đầu tư xây dựng ...; công tác tái cấu trúc hoạt động và công tác quản trị của Công ty, đặc biệt là quản trị tài chính/vốn/giá thành...Báo cáo cũng đã trình bày đầy đủ về công tác tiết kiệm, tiết giảm chi phí, kế hoạch/chiến lược/ lao động và đào tạo, sáng kiến cải tiến về thi đua khen thưởng, hoạt động của các tổ chức đoàn thể....,
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện qua bảng tổng hợp số liệu sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Đạt tỷ lệ
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[4]
1	Doanh thu	Tỷ đồng	540,00	831,61	154%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,00	76,09	152%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,00	61,41	154%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	27,70	50,19	181%

+ Năm 2025 doanh thu PVCoating thực hiện được đạt 831,61 tỷ đồng, trong đó khoảng 712,56 tỷ đồng từ bọc ống, khoảng 117,3 tỷ đồng từ dịch vụ sơn, chống ăn mòn và kinh doanh dịch vụ khác 1,75 tỷ đồng.

+ Năm 2025, PVCoating thực hiện mua sắm 32 đầu mục TSCĐ với giá trị đầu tư là : 14.922.801.434.đ.

+ Trong quý 4/2025, PVCoating tiến hành các thủ tục đầu tư mở rộng nhà xưởng theo quyết định đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt nhằm nâng cao năng lực sản xuất chuẩn bị cho các dự án triển khai trong năm 2026. Do vướng một số thủ tục hành chính (xin phê duyệt quy hoạch..) và ưu tiên mặt bằng, kho bãi phục vụ sản xuất nên việc triển khai thi công dẫn tiến độ sang năm 2026.

+ Thực hiện tiết giảm chi phí năm 2025 là 15 tỷ đồng, bằng 110% so với kế hoạch (13,64 tỷ đồng).

Số liệu các chỉ tiêu trình bày trong báo cáo phù hợp với Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025, với BCTC đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam phát hành kèm theo công văn số 155/TB-BODK ngày 09/03/2026.

2. Các báo cáo tài chính năm 2025

a. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của tài sản và nguồn vốn:

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN		Số Báo cáo ngày 31/12/2025	Số thẩm định ngày 31/12/2025	Chênh lệch
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.111.698.091.987	1.111.698.091.987	-
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	184.947.158.609	184.947.158.609	-
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	169.500.000.000	169.500.000.000	-
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	454.885.766.216	454.885.766.216	-
4.	Trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.040.197.645)	(8.040.197.645)	-
5.	Hàng tồn kho	288.560.512.652	288.560.512.652	-
6.	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.311.200.719)	(25.311.200.719)	-
7.	Tài sản ngắn hạn khác	13.804.654.510	13.804.654.510	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	60.506.946.361	60.506.946.361	-
1.	Tài sản cố định	33.892.848.473	33.892.848.473	-
2.	Tài sản dở dang dài hạn	471.179.094	471.179.094	-
3.	Các khoản phải thu dài hạn	6.035.671.186	6.035.671.186	-
6.	Tài sản dài hạn khác	20.107.247.608	20.107.247.608	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.172.205.038.348	1.172.205.038.348	-

NGUỒN VỐN		Số Báo cáo ngày 31/12/2025	Số thẩm định ngày 31/12/2025	Chênh lệch
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	733.395.461.999	733.395.461.999	-
1.	Nợ ngắn hạn	707.213.801.834	707.213.801.834	-
1.1	Vay ngắn hạn	401.254.253.096	401.254.253.096	-
1.2	Phải trả ngắn hạn người bán	67.093.816.491	67.093.816.491	-
1.3	Thuế và các khoản PNNN	2.962.691.699	2.962.691.699	-
1.4	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.842.395.704	4.842.395.704	-
1.5	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.460.779.735	3.460.779.735	-
1.6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	311.442.323	311.442.323	-
2.	Nợ dài hạn	26.181.660.165	26.181.660.165	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	438.809.576.349	438.809.576.349	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	215,999,980,000	215,999,980,000	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	185.937.666.285	185.937.666.285	-
2.1	LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	124.522.937.822	124.522.937.822	-
2.2	LNST CPP kỳ này	61.414.728.463	61.414.728.463	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.172.205.038.348	1.172.205.038.348	-

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
1.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	831.610.735.356	831.610.735.356	-
2.	Giá vốn hàng bán	(705.866.699.608)	(705.866.699.608)	-
3.	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.744.035.748	125.744.035.748	-
4.	Doanh thu hoạt động tài chính	6.995.993.192	6.995.993.192	-
5.	Chi phí tài chính	(15.340.752.609)	(15.340.752.609)	-
	Trong đó : Lãi vay phải trả	(14.576.474.816)	(14.576.474.816)	
5.	Chi phí bán hàng			
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(44.912.806.098)	(44.912.806.098)	-
7.	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	72.486.470.233	72.486.470.233	-

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
8.	Thu nhập khác	5.455.659.146	5.455.659.146	-
9.	Chi phí khác	(1.856.728.709)	(1.856.728.709)	-
10.	Lợi nhuận khác	3.598.930.437	3.598.930.437	-
11.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.085.400.670	76.085.400.670	-
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.398.367.713	15.398.367.713	-
13.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(727.695.506)	(727.695.506)	-
14.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.414.728.463	61.414.728.463	-

Các chỉ số phân tích tài chính

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024
1	Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (lần)	0,63	0,16
2	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,67	0,19
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,16	4,56
4	Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	1,57	6,02
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	7,38	5,47

Qua các chỉ số nêu trên chứng tỏ tình hình tài chính của Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính cao, có rủi ro về dòng tiền, đáp ứng khả năng thanh toán nợ, khả năng sinh lợi ở mức trung bình khá.

c. Nhận xét/đánh giá chung:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày tại các BCTC năm 2025 đã kiểm toán của Công ty là phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Các chính sách và phương pháp kế toán được áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ. Thuyết minh BCTC hợp nhất cho thấy các chỉ tiêu trên BCTC được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

- Các ước tính của Công ty khi trình bày các BCTC là hợp lý và thận trọng.

3. Báo cáo của Hội đồng Quản trị:

- Báo cáo đã phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động của HĐQT: HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản trị, điều hành của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật. HĐQT đã thực hiện đầy đủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025. HĐQT bảo đảm Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cũng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời cho cổ đông tình hình tài chính, kết quả kinh doanh hàng quý thông qua các báo cáo định kỳ. Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng thẩm quyền của HĐQT, nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được chỉ tiêu tài chính đề ra trong năm 2025.

- HĐQT luôn bảo đảm Ban kiểm soát có được các thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của HĐQT trong hoạt động quản trị, điều hành, thực hiện các quy chế quản lý nội bộ nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

III. Kết luận:

Với kết quả thẩm định như trên, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh : đã phản ánh đầy đủ và hợp lý tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và cả các lĩnh vực khác như công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị, TSCĐ...; Công tác quản trị của công ty, công tác quản trị tài chính/vốn/giá thành, công tác nghiên cứu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hoạt động của các tổ chức đoàn thể, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các qui định có liên quan.

- Các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, chính xác các hoạt động của Hội đồng Quản trị trên các lĩnh vực, tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trên đây là kết quả thẩm định của Ban kiểm soát Công ty về các báo cáo (i) kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025; (ii) báo cáo tài chính năm 2025; (iii) báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Lê Đức Hòa

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN BỌC ỚNG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Số:/TTr - HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Mỹ, ngàythángnăm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được Kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam. Hội đồng quản trị đã Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán (*chi tiết báo cáo đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tường Định

CÔNG TY CỔ PHẦN BỌC ỒNG DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Tường Định	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phương Cáo	Thành viên
Ông Trịnh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Trần Đăng Thuyết	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Ngọc	Thành viên độc lập
Ông Lê Hồng Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Phương Cáo	Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Minh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2025)
Ông Đỗ Tấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Đức Hòa	Trưởng Ban
Bà Tô Thị Huyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Ánh Tuyết	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Phương Cáo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

12506
NG T
TNHH
A TOA
OIT
T NAI
HỒ H

Số: 0538 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc tập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 13 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2023-001-1

Đào Đức Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4202-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.111.698.091.987	414.523.887.957
I. Tiền	110	5	184.947.158.609	11.703.240.641
1. Tiền	111		184.947.158.609	11.703.240.641
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	169.500.000.000	210.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		169.500.000.000	210.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		454.885.766.216	78.386.998.011
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	421.863.073.820	62.106.200.087
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.210.762.450	17.966.353.448
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	20.852.127.591	3.777.984.370
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.040.197.645)	(5.463.539.894)
IV. Hàng tồn kho	140	11	288.560.512.652	100.686.374.908
1. Hàng tồn kho	141		313.871.713.371	116.317.476.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.311.200.719)	(15.631.101.155)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.804.654.510	13.747.274.397
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	622.175.886	776.255.495
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.803.013.842	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	379.464.782	12.971.018.902
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.506.946.361	39.443.229.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.035.671.186	33.712.173
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	6.035.671.186	33.712.173
II. Tài sản cố định	220		33.892.848.473	27.711.149.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	33.825.556.804	27.711.149.601
- Nguyên giá	222		624.526.717.324	609.698.915.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(590.701.160.520)	(581.987.766.289)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	67.291.669	-
- Nguyên giá	228		3.226.397.400	3.131.397.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.159.105.731)	(3.131.397.400)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		471.179.094	22.292.593
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		471.179.094	22.292.593
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.107.247.608	11.676.075.516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.045.007.464	7.341.530.878
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	5.062.240.144	4.334.544.638
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.172.205.038.348	453.967.117.840


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		733.395.461.999	72.183.469.954
I. Nợ ngắn hạn	310		707.213.801.834	68.784.804.743
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	67.093.816.491	43.200.894.175
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	204.034.867.311	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.962.691.699	1.421.043.686
4. Phải trả người lao động	314		18.843.694.072	7.032.061.854
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.842.395.704	8.049.172.104
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		311.442.323	311.442.307
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.961.371.866	2.527.980.039
8. Vay ngắn hạn	320	21	401.254.253.096	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	3.460.779.735	5.157.847.041
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		448.489.537	1.084.363.537
II. Nợ dài hạn	330		26.181.660.165	3.398.665.211
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	26.181.660.165	3.398.665.211
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		438.809.576.349	381.783.647.886
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	438.809.576.349	381.783.647.886
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.999.980.000	215.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.999.980.000	215.999.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.850.000.000	9.850.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	2.228.422.895
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.021.930.064	14.653.507.169
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.937.666.285	139.051.737.822
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		124.522.937.822	124.525.125.538
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		61.414.728.463	14.526.612.284
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.172.205.038.348	453.967.117.840


Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Cáo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	831.610.735.356	265.172.268.736
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		831.610.735.356	265.172.268.736
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	705.866.699.608	231.443.023.238
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		125.744.035.748	33.729.245.498
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.995.993.192	6.400.051.112
6. Chi phí tài chính	22	30	15.340.752.609	1.454.750.901
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.576.474.816	1.241.108.500
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	44.912.806.098	25.556.459.259
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		72.486.470.233	13.118.086.450
9. Thu nhập khác	31	32	5.455.659.146	451.925.931
10. Chi phí khác	32		1.856.728.709	196.630.080
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.598.930.437	255.295.851
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		76.085.400.670	13.373.382.301
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	15.398.367.713	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(727.695.506)	(1.153.229.983)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		61.414.728.463	14.526.612.284
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34		469


Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng




Nguyễn Phương Cáo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	76.085.400.670	13.373.382.301
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.741.102.562	6.066.043.223
Các khoản dự phòng	03	33.342.684.963	2.932.930.235
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(121.290.900)	205.052.041
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.626.693.014)	(6.211.970.446)
Chi phí lãi vay	06	14.576.474.816	1.241.108.500
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	126.997.679.097	17.606.545.854
Thay đổi các khoản phải thu	09	(387.846.480.227)	139.407.441.145
Thay đổi hàng tồn kho	10	(197.554.237.308)	16.559.066.816
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	227.192.549.921	24.987.438.992
Thay đổi chi phí trả trước	12	(7.549.396.977)	(2.411.571.203)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.962.198.578)	(1.634.291.216)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.025.874.000)	(1.070.680.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(257.747.958.072)	193.443.950.388
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.903.615.729)	(4.436.430.488)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(89.500.000.000)	(150.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	130.000.000.000	20.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.142.100.550	4.259.477.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.738.484.821	(130.176.953.192)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

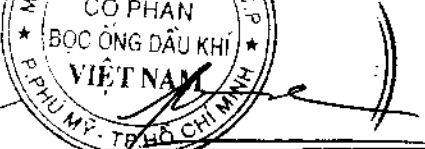
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ di vay	33	602.379.124.059	66.240.869.870
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(201.124.870.963)	(151.685.211.423)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(770.476.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	401.254.253.096	(86.214.817.553)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	173.244.779.845	(22.947.820.357)
Tiền đầu năm	60	11.703.240.641	34.535.992.279
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(861.877)	115.068.719
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	184.947.158.609	11.703.240.641


Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Nguyễn Phương Cao
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600393680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 8 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 23 ngày 11 tháng 07 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0703000858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 31 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600393680 thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 4 năm 2013, Công ty chính thức thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí thành Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVB vào ngày 24 tháng 12 năm 2013 theo Quyết định số 624/QĐ-SGDHN ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (“PVN”). PVN là doanh nghiệp Nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 155 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 140 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, gia tái đường ống;
- Đầu tư xây dựng và khai thác phát triển Khu liên hợp công nghiệp đô thị và dịch vụ;
- Đầu tư xây dựng, khai thác hạ tầng, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, máy thiết bị thi công;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí;
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật chất lượng các loại vật liệu, sản phẩm bọc ống chống ăn mòn, bọc cách nhiệt, bê tông gia trọng và bồn bể chứa;
- Thi công các công trình xây dựng; và
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bọc ống và dịch vụ kiểm tra thử nghiệm vật liệu, sản phẩm bọc ống trong ngành công nghiệp dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phê duyệt tùy theo phân cấp thẩm quyền.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định hữu hình là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 - 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí phải trả khác chưa chi nhưng đã phát sinh và được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm. Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ cho thuê chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này, được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng của dịch vụ bọc ống liên quan trực tiếp đến việc bọc ống được thực hiện cho từng công trình, hạng mục được hoàn thành, bàn giao trong năm căn cứ theo tỷ lệ phần trăm được quy định trong từng hợp đồng.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các nghị quyết phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào giá gốc tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm giá gốc tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều bên trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, các công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân nắm giữ vị trí quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát), những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc bên liên kết này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	471.916.752	147.141.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184.475.241.857	11.556.098.698
	184.947.158.609	11.703.240.641

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn trị giá 200.000.000 VND của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu đang bị phong tỏa để mở tài khoản ký quỹ.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	169.500.000.000	169.500.000.000	210.000.000.000	210.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,6%/năm đến 7,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,2%/năm đến 4,7%/năm).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã dùng một số khoản tiền gửi với tổng giá trị là 149,5 tỷ VND để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng không phải bên liên quan	21.354.218.128	23.377.493.739
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	13.334.285.668	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh và Tái tạo Phương Nam	-	9.055.800.000
Khác	8.019.932.460	14.321.693.739
b. Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	400.508.855.692	38.728.706.348
	421.863.073.820	62.106.200.087

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ các Hợp đồng kinh tế cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 001/2025/HDDV/PC2/TCO-PVCOATING ký ngày 30 tháng 9 năm 2025 về việc bọc ống thép cho dự án đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn PC2 với Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng;
- Hợp đồng số 277-2024/PTSC-SWEPC/HD ký ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc bọc ống thép cho dự án Lô B - Ô Môn (Tuyến bờ) với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Hợp đồng số 2-2025/PTSCMC-TM/MDV-E ngày 13 tháng 01 năm 2025 với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC;
- Hợp đồng số MDV/POS/25/3D ngày 6 tháng 01 năm 2025 với Công ty Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC (trước đây là "Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC"); và
- Hợp đồng số 029/25/HD/T-A3/XNXL/PVCOATING ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa Công ty với Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn không phải bên liên quan	13.787.489.000	17.966.353.448
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Huy Quang	4.678.086.103	-
Công ty TNHH Minh Khái Group	4.011.843.000	-
MV Resources (FE) Pte Ltd.	2.384.378.615	-
Haeusler Tech AG	-	15.458.472.000
Khác	2.713.181.282	2.507.881.448
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	6.423.273.450	-
	20.210.762.450	17.966.353.448

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	20.852.127.591	3.777.984.370
a1. Phải thu ngắn hạn khác không phải bên liên quan	19.925.442.661	3.777.984.370
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	18.483.875.921	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.136.976.025	3.652.383.561
Tạm ứng cho nhân viên	-	13.090.000
Phải thu khác	304.590.715	112.510.809
a2. Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	926.684.930	-
b. Phải thu dài hạn khác	6.035.671.186	33.712.173
Ký cược, ký quỹ	6.035.671.186	33.712.173
	26.887.798.777	3.811.696.543

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng đã trích lập	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng đã trích lập	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND		VND	VND	VND	
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.860.698.667	-	4.860.698.667	Trên 3 năm	4.860.698.667	-	4.860.698.667	Trên 3 năm
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	87.640.124	-	87.640.124	Trên 3 năm	602.841.227	-	602.841.227	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư Sông La	2.546.465.080	763.939.524	1.782.525.556	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.546.465.080	2.546.465.080	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Việt Á Châu	1.870.476.140	561.142.842	1.309.333.298	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.870.476.140	1.870.476.140	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
	9.365.280.011	1.325.082.366	8.040.197.645		9.880.481.114	4.416.941.220	5.463.539.894	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng nợ gốc trừ đi số dự phòng phải thu khó đòi được trích lập tương ứng.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	19.926.759.780	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	260.202.289.050	(25.311.200.719)	110.783.051.507	(15.631.101.155)
Công cụ, dụng cụ	1.098.678.188	-	591.595.085	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.606.501.285	-	4.942.829.471	-
Hàng hoá	37.485.068	-	-	-
	313.871.713.371	(25.311.200.719)	116.317.476.063	(15.631.101.155)

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.631.101.155	15.906.573.274
Tăng dự phòng	10.376.140.854	-
Xử lý hàng tồn kho đã trích lập dự phòng	(696.041.290)	(275.472.119)
Số dư cuối năm	25.311.200.719	15.631.101.155

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	622.175.886	776.255.495
Chi phí bảo hiểm	540.134.219	520.305.464
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	82.041.667	59.766.667
Chi phí cải tạo, sửa chữa	-	178.570.031
Khác	-	17.613.333
b. Dài hạn	15.045.007.464	7.341.530.878
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	11.487.136.011	2.356.856.495
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.373.084.340	4.984.674.383
Khác	184.787.113	-
	15.667.183.350	8.117.786.373

Biến động về chi phí trả trước trong năm tài chính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.117.786.373	5.706.215.170
Tăng trong năm	22.141.314.467	12.141.492.568
Phân bổ trong năm	(14.591.917.490)	(9.729.921.365)
Số dư cuối năm	15.667.183.350	8.117.786.373

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	109.737.592.549	409.188.005.282	86.531.984.544	3.313.050.997	928.282.518	609.698.915.890
Mua trong năm	-	7.248.319.000	1.059.732.094	659.298.344	-	8.967.349.438
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.860.451.996	-	-	-	-	5.860.451.996
Số dư cuối năm	115.598.044.545	416.436.324.282	87.591.716.638	3.972.349.341	928.282.518	624.526.717.324
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	92.985.728.034	399.751.072.843	85.270.903.000	3.148.349.895	831.712.517	581.987.766.289
Khấu hao trong năm	5.130.232.489	3.169.295.872	225.544.880	168.340.990	19.980.000	8.713.394.231
Số dư cuối năm	98.115.960.523	402.920.368.715	85.496.447.880	3.316.690.885	851.692.517	590.701.160.520
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	16.751.864.515	9.436.932.439	1.261.081.544	164.701.102	96.570.001	27.711.149.601
Tại ngày cuối năm	17.482.084.022	13.515.955.567	2.095.268.758	655.658.456	76.590.001	33.825.556.804

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 496.289.447.666 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 496.039.127.666 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với tổng nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 278.697.495.118 VND và 0 VND cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Thuyết minh số 21).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.131.397.400
Mua trong năm	95.000.000
Số dư cuối năm	3.226.397.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	3.131.397.400
Khấu hao trong năm	27.708.331
Số dư cuối năm	3.159.105.731
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	67.291.669

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.131.397.400 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.131.397.400 VND).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán không phải bên liên quan	63.024.053.512	63.024.053.512	43.163.394.175	43.163.394.175
Ventura IOT Sdn Bhd	19.154.054.205	19.154.054.205	-	-
Công ty TNHH thương mại & Sản xuất Nam Tiến Thịnh	8.032.946.358	8.032.946.358	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Hưng Group	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Haeuster Tech AG	-	-	29.526.721.997	29.526.721.997
Các đối tượng khác	28.337.052.949	28.337.052.949	13.636.672.178	13.636.672.178
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	4.069.762.979	4.069.762.979	37.500.000	37.500.000
	67.093.816.491	67.093.816.491	43.200.894.175	43.200.894.175

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn không phải bên liên quan	181.918.740.860	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng	120.713.423.724	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	60.228.109.977	-
Khác	977.207.159	-
b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan	22.116.126.451	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		
	204.034.867.311	-

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản lỗ tính thuế chưa được sử dụng	5.062.240.144	4.334.544.638
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.062.240.144	4.334.544.638

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh/phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.250.021.503	42.501.804.649	43.751.826.152	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	2.821.815.091	3.201.279.873	379.464.782	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.971.018.902	-	15.398.367.713	-	-	2.427.348.811
Thuế thu nhập cá nhân	-	171.022.183	2.618.823.967	2.314.656.848	-	475.189.302
Các loại thuế khác	-	-	990.676.455	930.522.869	-	60.153.586
	12.971.018.902	1.421.043.686	64.331.487.875	50.198.285.742	379.464.782	2.962.691.699

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.228.119.466	8.049.172.104
Lãi vay phải trả	614.276.238	-
	4.842.395.704	8.049.172.104

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.653.316.748	1.326.587.342
Phải trả chi phí an sinh xã hội (*)	804.428.932	809.428.932
Phải trả ngắn hạn khác	503.626.186	391.963.765
	3.961.371.866	2.527.980.039

- (*) Số dư thể hiện khoản phải trả liên quan đến chi phí an sinh xã hội được Công ty sử dụng cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên. Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt việc sử dụng khoản chi phí này.

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	-	-	290.130.961.522	103.807.545.673	186.323.415.849	186.323.415.849
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	-	-	72.569.958.418	-	72.569.958.418	72.569.958.418
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	-	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (iv)	-	-	78.371.097.941	48.095.318.043	30.275.779.898	30.275.779.898
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu (v)	-	-	71.607.106.178	49.222.007.247	22.385.098.931	22.385.098.931
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (vi)	-	-	19.700.000.000	-	19.700.000.000	19.700.000.000
	-	-	602.379.124.059	201.124.870.963	401.254.253.096	401.254.253.096

Trong đó phải trả về đi vay ngắn hạn là các bên liên quan
 (Chi tiết Thuyết minh số 35)

30.275.779.898 30.275.779.898

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu được cấp theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 22.2025/HĐCVHM/NHCT880-PVB ngày 15 tháng 12 năm 2025 với hạn mức 350 tỷ đồng (đã bao gồm hạn mức cho vay được điều chỉnh bởi hợp đồng số 24.111.12/2024-HĐCVHM/NHCT880-PVB ngày 25 tháng 12 năm 2024 với hạn mức 200 tỷ đồng) nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có hiệu lực cấp hạn mức đến ngày 31 tháng 10 năm 2026 và có thời hạn vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 880/2023/39838 ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Hợp đồng thế chấp số 11/2023/HĐBĐ/NHCT880-PVB ngày 30 tháng 11 năm 2023 với tổng giá trị là 10 tỷ VND;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 880/2025/88558 ngày 02 tháng 01 năm 2025 theo Hợp đồng thế chấp số 25.111.01/2025/HĐBĐ/NHCT880-PVB ngày 09 tháng 01 năm 2025 với tổng giá trị là 20 tỷ VND;

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 880/2025/42837 ngày 25 tháng 12 năm 2025 theo Hợp đồng thế chấp số 24/2025/HĐBĐ/NHCT880-PVB ngày 25 tháng 12 năm 2025 với tổng giá trị là 21 tỷ VND;
- Tài sản cố định là Hệ thống máy móc thiết bị bao gồm dây chuyền phủ ngoài 3L và dây chuyền phủ bê tông CWC của Công ty theo Hợp đồng thế chấp số 25.111.02/2025/HĐBĐ/NHTC880 với nguyên giá và giá trị định giá lần lượt là 278.697.495.118 VND VND và 89.137.000.000;
- Quyền tài sản từ Hợp đồng số 277-2024/PTSC-SWEPC/HD ký ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc bọc ống thép cho dự án Lô B Ô Môn (Tuyến bờ) với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị là 200 tỷ VND; và
- Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được phân chia và sử dụng cho dù quyền tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai của Hợp đồng số 001/2025/HDDV/PC2/TCO-PVCOATING ngày 30 tháng 9 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng.

Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, được trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này chịu lãi suất từ 6.1%/năm đến 8%/năm.

- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu được cấp theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/2930448/HĐTD ngày 02 tháng 12 năm 2024 với hạn mức 90 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có hiệu lực cấp hạn mức đến ngày 30 tháng 11 năm 2025 và có thời hạn vay đến ngày 24 tháng 11 năm 2026. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2025/HĐTG.760.2930448 ký ngày 03 tháng 01 năm 2025 và các văn bản sửa đổi bổ sung đi kèm theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2025/2930448/HĐBĐ với số tiền là 10 tỷ VND;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2023/HĐTG.760.2930448 ký ngày 20 tháng 6 năm 2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung đi kèm theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/2930448/HĐBĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 với số tiền là 20 tỷ VND;
- Quyền phải thu hình thành từ Hợp đồng số 2-2025/PTSCMC-TM/MDV-E ngày 13 tháng 01 năm 2025 với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; và
- Quyền phải thu hình thành từ Hợp đồng số MDV/POS/25/3D ngày 06 tháng 01 năm 2025 với Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC (trước đây là "Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC").

Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, được trả lãi định kỳ vào ngày 24 hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này chịu với lãi suất 6,6%/năm.

- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được cấp theo hợp đồng tín dụng hạn mức số VN125006114/WBVN201 ngày 24 tháng 7 năm 2025 với hạn mức 70 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có hiệu lực cấp hạn mức đến ngày 23 tháng 7 năm 2026 và có thời hạn vay đến ngày 12 tháng 6 năm 2026. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số VN00043249/HDCC/WBVN/201 ngày 24 tháng

7 năm 2025 cho với tổng giá trị là 14 tỷ VND. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từ thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, được trả lãi định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này chịu lãi suất từ 5,39%/năm đến 5,84%/năm.

(iv) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu được cấp theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 54/2024/HĐTD/PVB-BVT ngày 25 tháng 12 năm 2024 với hạn mức 200 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có hiệu lực cấp hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn vay đến ngày 22 tháng 6 năm 2026. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 13/2021/HĐTG/PVCOATING-PVB.KHDN ký ngày 18 tháng 01 năm 2021 và các phụ lục đính kèm theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 26/2022/HĐBĐ-PVB-CNBRVT ký ngày 21 tháng 02 năm 2022 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi kèm theo với số tiền là 20 tỷ VND;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 162/2023/HĐTG/PVCOATING-PVB.KHDN ký ngày 20 tháng 7 năm 2023 và các phụ lục đính kèm theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 185/2023/HĐBĐ-PVB-CNBRVT ký ngày 26 tháng 8 năm 2023 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi kèm theo với số tiền là 20 tỷ VND.

Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từ thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, được trả lãi định kỳ vào ngày đầu tiên của tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này chịu lãi suất 7%/năm.

(v) Khoản tín dụng ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu ("VP Bank Vũng Tàu") được cấp theo thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-50516/1995750/TTK ngày 24 tháng 7 năm 2025 với hạn mức 200 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có hiệu lực cấp tín dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn vay đến ngày 3 tháng 5 năm 2026. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ từ Hợp đồng số 029/25/HD/T-A3/XNXL/PVCOATING ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa Công ty với Liên doanh Việt - Nga Vietsovetpetro; Hàng tồn kho là toàn bộ hàng hóa và nguyên vật liệu có nguồn gốc từ vốn vay của VP Bank Vũng Tàu; và Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 458178925 ngày 18 tháng 09 năm 2025 theo Hợp đồng cầm cố số CLC-57914-1995750-HDTC-01 ngày 24 tháng 09 năm 2025 với tổng giá trị là 4.5 tỷ VND. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từ thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, được trả lãi định kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này chịu lãi suất từ 7,2%/năm đến 9,8%/năm.

(vi) Khoản tín dụng ngắn hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu được cấp theo hợp đồng tín dụng số 24PM-KB99/HĐTD ngày 26 tháng 12 năm 2024 với hạn mức 20 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có hiệu lực cấp hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn vay đến ngày 27 tháng 4 năm 2026. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 1812/2024/HĐTG/NHNo-BRVT ngày 18 tháng 12 năm 2024 với tổng giá trị là 10 tỷ VND. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từ thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, được trả lãi định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này chịu lãi suất 6%/năm.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng bảo hành công trình		
Ngắn hạn	3.460.779.735	5.157.847.041
Dài hạn	26.181.660.165	3.398.665.211
	29.642.439.900	8.556.512.252

Dự phòng bảo hành công trình phản ánh các khoản trích trước chi phí bảo hành cho các dự án do Công ty thực hiện với thời hạn bảo hành từ 12 đến 48 tháng. Tỷ lệ trích lập dự phòng từ 2% đến 5% giá trị doanh thu của dự án thực hiện.

Biến động dự phòng phải trả trong năm tài chính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số đầu năm	8.556.512.252	5.134.933.174
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	26.243.774.689	3.616.553.495
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.157.847.041)	(194.974.417)
Số cuối năm	29.642.439.900	8.556.512.252

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	215.999.980.000	9.850.000.000	-	16.881.930.064	126.675.121.538	369.407.031.602
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.526.612.284	14.526.612.284
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Khác	-	-	2.228.422.895	(2.228.422.895)	4.000	4.000
Số dư đầu năm nay	215.999.980.000	9.850.000.000	2.228.422.895	14.653.507.169	139.051.737.822	381.783.647.886
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	61.414.728.463	61.414.728.463
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	-	-	10.140.000.000	(10.140.000.000)	-
Thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	-	(390.000.000)	(390.000.000)
Khác	-	-	(2.228.422.895)	2.228.422.895	1.200.000	1.200.000
Số dư cuối năm	215.999.980.000	9.850.000.000	-	27.021.930.064	185.937.666.285	438.809.576.349

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 4.000.000.000 VND, thưởng Ban điều hành là 390.000.000 VND, và trích Quỹ Đầu tư phát triển là 10.140.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.

(**) Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng nhà xưởng, mua sắm trang thiết bị, máy móc, phương tiện với số tiền lũy kế là 9.786.163.211 VND từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.599.998	21.599.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.599.998</i>	<i>21.599.998</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.599.998	21.599.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.599.998</i>	<i>21.599.998</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 11 tháng 07 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 215.999.980.000 VND, tổng số cổ phiếu là 21.599.998 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	114.340.000.000	52,94	114.340.000.000	52,94
Các cổ đông khác	101.659.980.000	47,06	101.659.980.000	47,06
	215.999.980.000	100	215.999.980.000	100

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài – Công ty là bên cho thuê

Công ty đã ký hợp đồng cho thuê kho bãi tại đường số 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) theo hợp đồng cho thuê số 220/2024/DVK/TMHĐ-PV Coating với thời hạn thuê là 36 tháng kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2024. Theo đó, khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	1.060.036.364	1.060.036.364
Trên 1 năm đến 5 năm	883.363.636	1.943.400.000
	1.943.400.000	3.003.436.364

Tài sản thuê ngoài – Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo Hợp đồng thuê đất số 17/HĐ.TLĐ/IZICO ngày 06 tháng 11 năm 2009 với diện tích thuê 70.000 m2 tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh) với thời hạn thuê là 24 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	2.531.550.000	2.531.550.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.126.200.000	10.126.200.000
Trên 5 năm	9.704.275.000	12.235.825.000
	22.362.025.000	24.893.575.000

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	943,54	32.403,06
Euro (EUR)	409,33	354,60

Vật tư nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ống thép (Ống)	10.170	1.482

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bọc ống dầu khí bao gồm dịch vụ bọc ống liên quan đến trực tiếp việc xây dựng đường ống. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chủ yếu liên quan đến dịch vụ bọc ống dầu khí. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 27.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động cung cấp dịch vụ bọc ống và các hoạt động khác của Công ty chủ yếu đều được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần từ dịch vụ bọc ống	795.134.629.733	170.045.112.846
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	26.946.541.537	30.257.865.248
Doanh thu thuần từ dịch vụ lắp đặt dây chuyền, sơn ống và dịch vụ khác	9.529.564.086	64.869.290.642
	831.610.735.356	265.172.268.736
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	801.733.790.268	211.529.573.424

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ bọc ống	671.370.582.285	137.328.676.646
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.469.789.621	29.493.632.677
Giá vốn dịch vụ lắp đặt dây chuyền, sơn ống và dịch vụ khác	8.026.327.702	64.620.713.915
	705.866.699.608	231.443.023.238

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	379.709.137.152	47.415.373.715
Chi phí nhân công	68.935.535.473	39.697.193.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.741.102.562	6.066.043.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.035.874.272	144.576.197.415
Chi phí dự phòng	39.196.573.294	3.127.904.652
Chi phí khác	42.355.165.146	4.177.555.474
	751.973.387.899	245.060.267.659

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.813.935.152	6.211.970.446
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.062.592.546	188.080.666
Lãi từ đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	119.465.494	-
	6.995.993.192	6.400.051.112
Trong đó:		
Doanh thu tài chính phát sinh từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	2.143.299.583	2.212.309.570

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.576.474.816	1.241.108.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	764.277.793	8.590.360
Lỗ từ đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính	-	205.052.041
	15.340.752.609	1.454.750.901
Trong đó:		
Chi phí tài chính phát sinh từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	1.866.927.848	425.582.769

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.091.269.154	14.940.115.785
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.000.589.264	2.126.940.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	421.594.201	269.721.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.390.255.623	7.455.596.212
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.576.657.751	(213.176.724)
Chi phí khác bằng tiền	3.432.440.105	977.261.253
	44.912.806.098	25.556.459.259

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	5.157.847.041	194.974.417
Thu nhập khác	297.812.105	256.951.514
	5.455.659.146	451.925.931

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	15.398.367.713	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.398.367.713	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	76.085.400.670	13,373,382,301
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Trừ:		
Chuyển lỗ	(12.786.942.117)	(14.198.461.200)
Các khoản điều chỉnh khác	(696.041.290)	-
Cộng:		
Các khoản điều chỉnh khác	14.389.421.302	825.078.899
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	76.991.838.565	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	76.991.838.565	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế Năm nay	15.398.367.713	-
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(727.695.506)	(1.153.229.983)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(727.695.506)	(1.153.229.983)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không còn lỗ tính thuế có thể được dùng để bù trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	61.414.728.463	14.526.612.284
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(4.000.000.000)
Trừ: Số tiền thưởng Ban điều hành (VND)	-	(390.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	61.414.728.463	10.136.612.284
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	21.599.998	21.599.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.843	469

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2025. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thì chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" năm nay có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Năm trước (=)	Năm trước (Đã báo cáo)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	14.526.612.284	14.526.612.284
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(4.000.000.000)	-
Thưởng Ban điều hành (VND)	(390.000.000)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.136.612.284	14.526.612.284
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	21.599.998	21.599.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	469	673

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam")	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Công ty cùng Chủ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC (trước đây là "Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC")	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH PVChem - Tech	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	801.733.790.268	211.529.573.424
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	407.037.145.841	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	167.739.469.212	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	129.190.162.315	179.894.708.827
Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	39.372.794.127	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	30.412.259.208	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	26.946.541.537	30.257.865.248
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.035.418.028	1.076.999.349
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	-	300.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp	59.228.525.956	3.434.009.662
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	26.587.892.337	1.166.107.420
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	19.691.757.870	-
Công ty TNHH PVChem - Tech	4.209.200.000	-
Viện dầu khí Việt Nam	3.694.390.000	-
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.229.934.782	1.845.427.696
Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC	1.226.069.100	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	733.918.044	344.034.546
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	655.630.000	-
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	133.733.823	50.000.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	66.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Giàn Khoan Dầu Khí	-	28.440.000
Nhận gốc vay	78.371.097.941	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	78.371.097.941	-
Trả gốc vay	48.095.318.043	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	48.095.318.043	-
Lãi tiền gửi	2.143.299.583	2.212.309.570
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.143.299.583	2.212.309.570
Lãi vay	1.866.927.848	425.582.769
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.866.927.848	425.582.769

Tổng thủ lao, thu nhập của một số vị trí chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Bùi Tường Định	1.132.476.508	591.952.857
Ông Trần Đăng Thuyết	974.912.605	531.488.103
Ông Trịnh Hải	617.312.151	-
Ông Vũ Tuấn Ngọc	120.000.000	96.000.000
Ông Lê Hồng Hải	40.000.000	96.000.000
Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Phương Cáo	1.068.447.601	557.252.835
Bà Nguyễn Thị Huyền	835.035.138	482.920.073
Ông Nguyễn Thành Minh	77.912.047	-
Ông Đỗ Tấn	77.912.047	-
Ban Kiểm soát		
Ông Lê Đức Hòa	871.872.883	473.393.066
Bà Tô Thị Huyền	60.000.000	48.000.000
Bà Phạm Thị Ánh Tuyết	60.000.000	48.000.000
Kế toán trưởng		
Ông Nguyễn Văn Quang	891.319.020	473.393.066

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.501.585.073	47.890.366
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.501.585.073	47.890.366
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	400.508.855.692	38.728.706.348
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	216.903.208.366	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	126.257.048.938	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	27.878.939.060	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	13.108.583.717	-
Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	6.412.736.820	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	5.000.000.000	33.265.166.454
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.860.698.667	4.860.698.667
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	87.640.124	602.841.227
Phải thu ngắn hạn khác	926.684.930	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	926.684.930	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.116.126.451	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	22.116.126.451	-
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	4.069.762.979	37.500.000
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	3.349.690.379	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	473.214.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC	113.254.200	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	98.204.400	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	35.400.000	37.500.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.423.273.450	-
Công ty TNHH PVChem - Tech	6.423.273.450	-
Vay ngắn hạn	30.275.779.898	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	30.275.779.898	-

36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có thể phát sinh chi phí phá dỡ, xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng trong trường hợp không được gia hạn sử dụng đất vào cuối thời hạn thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Hiện tại, Công ty không thể nhận được thông tin nào về việc hợp đồng thuê đất này sẽ không được gia hạn vào cuối thời hạn thuê nên chưa có khoản dự phòng phải trả liên quan đến chi phí phá dỡ, khôi phục và hoàn trả mặt bằng nói trên được ghi nhận vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 154.456.000 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm 42.228.000 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền ứng trước để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 1.136.976.025 VND (năm trước: 3.652.383.561 VND) là số tiền lãi của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm chưa thực thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 614.276.238 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền lãi của các khoản vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Mai Thị Hương Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Cáo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2025
và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phương án phân phối lợi nhuận 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

1. Kết quả SXKD năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025
1	Doanh thu hoạt động SXKD	Tỷ đồng	540,00	831,61
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,00	76,08
3	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	27,70	50,18
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,00	61,41
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	18,51%	28,43%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch Năm 2025	Thực hiện năm 2025/ Phương án đề nghị
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,00	76,08
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,00	61,41

3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	0.00	11,00
4	Thưởng Người quản lý, ban điều hành.	Tỷ đồng	0.00	0,70
5	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	0.00	30,00
6	LN còn lại sau khi trích lập quỹ	Tỷ đồng	0.00	19,71
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0%	0%

II. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2026:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất phương án phân phối lợi nhuận như sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80,00
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	64,00
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	13,89
4	Thưởng Người quản lý, ban điều hành	Tỷ đồng	0,86
5	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	25,00
6	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	5%

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tường Định

Số:/TTr-HĐQT

Phủ Mỹ, ngày tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025
và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Người quản lý của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

I. Chi trả tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

Mức chi trả tiền lương, thù lao cho các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt như sau:

1. Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Người quản lý Công ty.

- Thù lao Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/tháng.

2. Ban kiểm soát:

- Trưởng ban chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Người quản lý Công ty;

- Thù lao Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/tháng.

3. Tổng tiền lương và thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	KH ĐHCĐ năm 2025 phê duyệt	Thực hiện năm 2025 đề nghị phê duyệt	
				Tiền lương	Thù lao
1	Bùi Tường Định	Chủ tịch HĐQT	1.016.760.280	1.004.777.510	
2	Nguyễn Phương Cáo	TV HĐQT, Giám đốc	959.273.834	947.968.557	
3	Trần Đăng Thuyết	TV HĐQT Chuyên trách	894.789.037	874.846.907	
4	Trịnh Hải	TV HĐQT Chuyên trách	597.234.191	548.979.868	
5	Lê Hồng Hải	TV HĐQT kiêm nhiệm	30.000.000		40.000.000
6	Vũ Tuấn Ngọc	TV độc lập HĐQT	120.000.000		120.000.000
7	Lê Đức Hòa	Trưởng BKS chuyên trách	774.317.441	782.247.001	
8	Phạm Thị Ánh Tuyết	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	60.000.000		60.000.000
9	Tô Thị Huyền	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	60.000.000		60.000.000
	Tổng cộng		4.512.374.783	4.158.819.843	280.000.000

2. Phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2026:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Người quản lý Công ty.

+ Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm (nếu có): 10.000.000 đồng/tháng.

- Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách (nếu có) hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao của Người quản lý Công ty.

+ Thù lao Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/tháng;

- Kế hoạch chi trả tiền lương của HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chức danh	Số người	Tổng số tiền	Trong đó	
				Tiền lương	Tiền thù lao
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	1.005.867.354	1.005.867.354	0
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	1	948.996.781	948.996.781	0
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	2	1.719.963.941	1.719.963.941	0
5	Thành viên Độc lập HĐQT	1	120.000.000	0	120.000.000
6	Trưởng BKS chuyên trách	1	812.012.878	812.012.878	0
7	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	2	120.000.000	0	120.000.000
	Tổng cộng	8	4.726.840.954	4.486.840.954	240.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tường Định

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua “Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty” do cập nhật lại thông tin địa danh do thay đổi tên gọi hành chính và cập nhật sửa đổi bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành (*theo Nội dung đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận;
- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Tường Định

**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BOC ONG DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Stt	Điều sửa đổi, bổ sung	Các nội dung chính đề nghị sửa đổi, bổ sung		Lý do
		Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung	
1	Điểm g, Khoản 1, Điều 1.	g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và <i>người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</i>	g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.	Giải thích rõ thuật ngữ.
2	Điểm h, Khoản 1, Điều 1	h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;	h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;	Giải thích rõ thuật ngữ.
3	Khoản 3, Điều 2.	- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, <i>thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu..</i>	- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.	Do thay đổi địa danh hành chính
4	Điều 28.	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên	Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả lương , thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương , thù lao công việc và thưởng. Tiền lương , thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức tiền lương, thù lao	Phù hợp với quy chế quản lý tiền lương tiền thưởng của Công ty

		<p>tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị ...</p>	<p>cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị ...</p>	
5	Khoản 3, khoản 4, Điều 34	<p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty</p>	Phù hợp với quy định hiện hành.
6	Khoản 3, Điều 41.	<p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Phù hợp với quy định hiện hành.